***Trường Tiểu học Nguyễn Công Sáu HỌC KÌ 1***

**LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 2**

Từ ngày 11/9/2023 đến ngày 15/9/2023

**Cách ngôn : *“Có chí thì nên”***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ** | **Buổi** | **Tiết** | **Môn** | **Tên bài giảng** |
| **Hai**  **11/9** | ***Sáng*** | 1 | HĐTN | SHDC: Câu lạc bộ của em |
| 2 | Tiếng việt | Bài 3: Đọc: Anh em sinh đôi (tiết1) |
| 3 | Toán | Bài 3: số chẵn, số lẻ (tiết 1) |
| 4 | Tiếng việt | Bài 3: LTVC: Danh từ chung, danh từ riêng (tiết 2) |
| ***Chiều*** |  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **Ba**  **12/9** | ***Sáng*** | 1 | Toán | Bài 3: Luyện tập (tiết 2) trang 13 |
| 2 | Tiếng việt | Bài 3: Viết: Tìm ý cho đoạn văn nêu ý kiến (tiết 3) |
| 3 | ATGT | Bài 1: Điều khiển xe đạp an toàn (tiết 1) |
| 4 | Khoa học | Bài 2: Sự chuyển thể của nước và vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên (tiết 1) |
| ***Chiều*** | 1 | Lịch sử và địa lí | Bài 2: Thiên nhiên và con người ở địa phương em (tiết 1) |
| 2 | Đạo đức | Bài 1: Biết ơn người lao động (tiết 2) |
| 3 | HĐTN | HĐGDTCĐ: Những việc làm đáng tự hào của em |
| **Tư**  **13/9** | ***Sáng*** | 1 | Tiếng việt | Bài 4: Công chúa và người dẫn chuyện (tiết 1) |
| 2 | Tiếng việt | Bài 4: Công chúa và người dẫn chuyện (tiết 2) |
| 3 | Toán | Bài 4: Biểu thức chứa chữ (tiết 1) |
| 4 | Công nghệ | Bài 1: Lợi ích của hoa, cây cảnh đôí với đời sống (tiết 2) |
| ***Chiều*** | 1 |  |  |
| 2 |  | NGHỈ |
| 3 |  |  |
| **Năm**  **14/9** | ***Sáng*** | 1 |  |  |
| 2 |  | NGHỈ |
| 3 |  |  |
| 4 |  |  |
| ***Chiều*** | 1 | Toán | Bài 4: Luyện tập (tiết 2) trang 16 |
| 2 | Tiếng việt | Bài 4: Viết: Viết đoạn văn nêu ý kiến (tiết 3) |
| 3 |  |  |
| **Sáu**  **15/9** | ***Sáng*** | 1 |  |  |
| 2 | Toán | Bài 4: Luyện tập (tiết 3) trang 17 |
| 3 | Tiếng việt | Bài 4: Đọc mở rộng (tiết 4) |
| 4 | Lịch sử và địa lí | Bài 2: Thiên nhiên và con người ở địa phương em (tiết 2) |
| ***Chiều*** | 1 | Khoa học | Bài 2: Sự chuyển thể của nước và vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên (tiết 2) |
| 2 |  |  |
| 3 | HĐTN | SHL: Niềm tự hào trong tim |

**Thứ hai ngày 11 tháng 9 năm 2023**

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**CHỦ ĐỀ 1: NHẬN DIỆN BẢN THÂN**

**Tuần 2: Tiết 4 - Sinh hoạt dưới cờ: CÂU LẠC BỘ CỦA EM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Xác định rõ qua bài học này HS đạt được các yêu cầu sau: giới thiệu được câu lạc bộ học sinh của trường mà mình tham gia. Chia sẻ niềm vui, tự hào về những điều em đã làm được khi là thành viên câu lạc bộ

Năng lực đặc thù: bản thân tự tin về bản thân trước tập thể.

Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xây dựng cho mình hình ảnh đẹp trước bạn bè (sạch sẽ, gọn gàng, mặc lịch sự,…).Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chia sẻ với bạn về hiểu biết của mình về chăm sóc bản thân để có hình ảnh đẹp.

- Phẩm chất nhân ái: tôn trọng bạn, yêu quý và cảm thông về hình ảnh cuả bạn..Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để xây dựng hình ảnh bản thân trước tập thể. Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức với lớp, tôn trọng hình ảnh của bạn bè trong lớp.

**II. ĐỒ DÙNG , PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

1.Giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

2. Học sinh:

- SGK, vở ghi chép, vật liệu phục vụ cho việc học tập

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: 5 phút**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  - Cách tiến hành: | |
| − GV yêu cầu HS chỉnh lại quần áo, tóc tai để chuẩn bị làm lễ chào cờ.  - GV cho HS chào cờ. | - HS quan sát, thực hiện. |
| **2. Sinh hoạt dưới cờ***:Câu lạc bộ của em (25phút)*  **-** Mục tiêu: Giới thiệu được câu lạc bộ học sinh của trường mà mình tham gia. Chia sẻ niềm vui, tự hào về những điều em đã làm được khi là thành viên câu lạc bộ  **-** Cách tiến hành: | |
| - GV cho HS xem clip, giới thiệu các câu lạc bộ của trường    - GV cho các nhóm lên đóng vai ,tiểu phẩm giới thiệu về câu lạc bộ của trường  Chia sẻ niềm vui, tự hào về những điều em đã làm được khi là thành viên câu lạc bộ | - HS xem.  - Các nhóm lên giới thiệu câu lạc bộ của trường, giói thiệu về câu lạc bộ mình thamgia và những việc làm đóng góp của mình cho câu lạc bộ.  - HS lắng nghe. |
| **3. Vận dụng.trải nghiệm 5 phút**  **-** Mục tiêu: Củng cố, dặn dò  **-** Cách tiến hành: | |
| - HS nêu cảm nhận của mình sau buổi sinh hoạt.  - HS lắng nghe. | GV tóm tắt nội dung chính |
| **IV, ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG**  ...................................................................................................................................  ...................................................................................................................................  ...................................................................................................................................  ................................................................................................................................... | |

**TUẦN 2:** **CHỦ ĐỀ 1: MỖI NGƯỜI MỘT VẺ**

**Bài 03: ANH EM SINH ĐÔI (3 tiết)**

**Tiết 1: Đọc**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyên Anh em sinh đôi. Biết đọc diễn cảm các đoạn hội thoại phù hợp với tâm lí, cảm xúc của nhân vật.

- Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện gắn với thời gian. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật.

- Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Mọi người có thể giống nhau về ngoại hình hoặc một đặc điểm nào đó, nhưng không ai giống ai hoàn toàn, bởi bản thân mỗi người là một thực thể duy nhất.

- Biết phân tích, đánh giá và chia sẻ những ý kiến của mình với bạn bè. Biết tôn trọng vẻ riêng và những điểm tương đồng giữa mọi người.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Trân trọng, bày tỏ tình cảm của mình về vẻ riêng của bạn bè và những người xung quanh trong cuộc sống.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua câu chuyện, biết yêu quý bạn bè, biết hòa quyện, thống nhất trong tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** ( 5’)  - Cách tiến hành: | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - GV tổ chức trò chơi trò chơi, đồng thời treo tranh lên bảng hoặc chiếu tranh trên màn hình: Tìm và nói nhanh 5 điểm khác nhau giữa 2 tranh. (làm việc theo nhóm 2). Bạn nào tìm được nhanh hơn sẽ chiến thắng.  - HS trình bày, GV chỉ vào tranh.  - GV Nhận xét, tuyên dương, tổng kết trò chơi.  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa  + Tranh vẽ gì?  - GV giới thiệu: Hôm nay các em sẽ luyện đọc câu chuyện *Anh em sinh đôi*, các em sẽ hiểu được bạn nhỏ trong câu chuyện đã nghĩ gì về việc bạn ấy và người anh sinh đôi của mình trông giống hệt nhau nhé! | - HS tham gia trò chơi  + (1) Bụi cây trước mặt cậu bé, (2) bụi cây sau thân cây lớn, (3) màu áo của cậu bé, (4) màu quyển sách, (5) chỏm tóc của cậu bé.  + Đọc các đoạn trong bài đọc theo yêu cầu trò chơi.  - HS lắng nghe.  - Tranh vẽ một đường chạy, trên đó có nhiều bạn đang thi chạy. Hai bạn chạy đầu tiên nhìn rất giống nhau, nhưng có bạn chạy nhanh hơn, có bạn chạy chậm hơn. Xung quanh là bạn bè của các bạn đang cổ vũ rất nhiệt tình)  - HS lắng nghe. | |
| **2. Khám phá.( 22’)** | | |
| **2.1. Hoạt động 1: Đọc đúng. ( 12’)**  - GV ( HS) đọc mẫu lần 1:.  - GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các lời thoại với ngữ điệu phù hợp.  Bài văn chia mấy đoạn  - GV chia đoạn: 4 đoạn theo thứ tự:  + Đoạn 1: từ đầu đến *chẳng bận tâm đến chuyện đó*.  + Đoạn 2: tiếp theo cho đến *nỗi ngạc nhiên ngập tràn của Long.*  + Đoạn 3: tiếp theo cho đến *để trêu các bạn đấy*.  + Đoạn 4: đoạn còn lại.  - GV gọi 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *kêu lên, cách nói, lo lắng, cổ vũ, chậm rãi, nhanh nhảu, ...*  - GV hướng dẫn luyện đọc câu:  *Hai anh em mặc đồng phục / và đội mũ/ giống hệt nhau, / bạn bè/ lại cổ vũ nhầm mất thôi; Các bạn cuống quýt / gọi Khánh thay thế? Khi thấy Long nhăn nhó vì đau/ trong trận kéo co, ...*  *- HS đọc chú giải*  *- H*ọc sinh luyện đọc theo nhóm 2.  - GV nhận xét sửa sai. | | - Hs lắng nghe cách đọc.  - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.  - HS trả lời  - HS quan sát  - 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - HS đọc từ khó.  - 2-3 HS đọc câu.  *-* 2 học sinh đọc nối tiếp.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **HĐ 2.2 : Luyện tập trả lời câu hỏi ( 10’)** | | |
| - GV mời 1 HS đọc toàn bài.  - GV giúp HS hiểu nghĩa các từ sau:  + Nhanh nhảu: Nhanh trong nói năng, làm việc, không để người khác phải chờ đợi. Ví dụ: *Miệng mồm nhanh nhảu.*  + Thắc mắc: Cảm thấy không thông, cần được giải đáp.  GV cho HS đọc câu hỏi thảo luận nhóm đôi trả lời các câu hỏi SGK  + Câu 1: Long và Khánh được giới thiệu như thế nào?  + Câu 2: Những chi tiết nào thể hiện cảm xúc và hành động của Long khi thấy mình giống anh?  + Câu 3: Theo em, vì sao Long không muốn giống anh của mình? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.  A. Vì Long không thích bị mọi người gọi nhầm.  B. Vì Long cảm thấy phiền hà khi giống người khác.  C. Vì Long muốn khẳng định vẻ riêng của mình.  + Các bạn đã nói gì về sự khác nhau giữa Long và Khánh?  + Câu 4: Nhờ nói chuyện với các bạn, Long đã nhận ra mình khác anh như thế nào?  + Câu 5: Nhận xét về đặc điểm của Long và Khánh thể hiện qua hành động, lời nói của từng nhân vật.  GV nhận xét, tuyên dương  - GV mời HS nêu nội dung bài.  - GV nhận xét và chốt: ***Mọi người có thể giống nhau về ngoại hình hoặc một đặc điểm nào đó, nhưng không ai giống ai hoàn toàn, bởi bản thân mỗi người là một thực thể duy nhất.*** | | + Long và Khánh được giới thiệu là anh em sinh đôi, giống nhau như đúc.  + Cảm xúc của Long khi thấy mình giống anh: Hồi nhỏ cảm thấy khoái chí, lớn lên không còn thú vị nữa, khi chuẩn bị đi hội thao thì Long rất lo lắng.  + Hành động của Long: Cố gắng làm mọi thứ khác anh, từ cách nói, dáng đi, đến trang phục, kiểu tóc.  - Lựa chọn và giải thích hợp lí:  + Phương án A: Vì ở đầu câu chuyện có chi tiết: *Mỗi khi bị gọi nhầm tên, Long lại muốn kêu lên: “Tôi là Long, tôi chẳng giống ai hết.”*  + Phương án B: Vì mỗi lần bị nhầm lẫn, Long đều cảm thấy không vui, điều đó rõ ràng gây sự phiền hà cho bạn ấy.  + Phương án C: Vì Long cũng giống như nhiều người khác, luôn muốn khẳng định vẻ riêng của mình, mình là duy nhất, không giống ai.  + Các bạn nói Long và Khánh mỗi người một vẻ, không hề giống nhau. Long chậm rãi, lúc nào cũng nghiêm túc, Khánh nhanh nhảu, hay cười,...  + Long nhận ra hai anh em chỉ giống ở ngoại hình thôi, còn các đặc điểm tính cách, thói quen,... đều khác nhau, nghĩa là mỗi anh em vẫn có vẻ riêng không thể nhầm lẫn.  + Đúng như các bạn của hai anh em nhận xét, hành động và lời nói của Long thể hiện Long là người khá nghiêm túc, chậm rãi, hay suy nghĩ. Long còn là người luôn muốn khẳng định bản thân, muốn mình đặc biệt và là duy nhất. Còn Khánh là một người nhanh nhẹn, hài hước, suy nghĩ đơn giản, không quá coi trọng những tương đồng về hình thức, hiểu rõ việc mình và em thực chất rất khác nhau về tính cách, nên việc giống nhau về hình thức không khiến cho Khánh phải bận tâm. Câu nói của Long (tự nói với chính mình) ở cuối câu chuyện cho thấy sự thay đổi trong suy nghĩ của Long. Long nhận ra sự khác biệt rõ rệt giữa hai anh em và hiểu rằng: không cần phải cố gắng chứng minh sự khác biệt đó.  - HS lắng nghe.  - HS nêu nội dung bài theo sự hiểu biết của mình.  - HS nhắc lại nội dung bài học. |
| **3 Luyện đọc lại. ( 5’)**  - GV Hướng dẫn lại cách đọc diễn cảm.  - Mời một số học sinh đọc nối tiếp.  - GV nhận xét, tuyên dương. | | - HS lắng nghe lại cách đọc diễn cảm.  - HS đọc nối tiếp theo đoạn. Đọc một số lượt.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm. 3’**  - Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa, ... sau bài học để học sinh thi đọc diễn cảm bài văn.  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Một số HS tham gia thi đọc diễn cảm. | |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | | |

**-----------------------------------------------------------------**

**TUẦN 2: CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG**

**Bài 03: SỐ CHẴN, SỐ LẺ (tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Hiểu thế nào là số chẵn, số lẻ.

- Nắm được dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: 5ph**  \* Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Tổng của 57 685 và 28 193  + Câu 2: Hiệu của 87 234 và 29 156  + Câu 3: Tích của 15 368 và 6  + Câu 4: Thương của 48 175 và 5  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời:  - 85 878  - 68 078  - 92 208  - 9 635  - HS lắng nghe. |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Khám phá: 10ph**  \* Cách tiến hành: | |
| a. - GV yêu cầu học sinh quan sát tranh SGK/12. 1 HS đọc bóng nói của Mai và Rô bốt.  - GV yêu cầu học sinh lắng nghe và trả lời câu hỏi: Các số đó có đặc điểm gì?  + Học sinh trả lời, nhận xét lẫn nhau.  + Giáo viên nhận xét, tuyên dương.  b. Số chẵn, số lẻ:  + Các số 10, 12, 14, 16, 18 có đặc điểm gì?  + Các số 11, 13, 15, 17, 19 có đặc điểm gì?  + Số chẵn là số như thế nào?  + Số lẻ là số như thế nào?  - Gọi 1 học sinh đọc lại.  - Gọi 1 học sinh đọc bóng nói của Việt.  - Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi, trả lời câu hỏi:  + Nêu cách để nhận biết số chẵn, số lẻ. Cho ví dụ.  + Đại diện nhóm trình bài, nhận xét lẫn nhau.  + GV nhận xét, tuyên dương.  + Hỏi: Muốn xác định số chẵn hay số lẻ, ta dựa vào dấu hiệu nhận biết nào? | - Để dễ tìm số nhà, người ta dùng các số chẵn (như 10, 12, 14, 16, 18, ....) để đánh số nhà ở một bên của dãy phố, bên còn lại người ta dùng các số lẻ (như 11, 13, 15, 17, 19, ...)  - Các số 10, 12, 14, 16, 18 đều chia hết cho 2.  - Các số 11, 13, 15, 17, 19 không chia hết cho 2.  - Số chia hết cho 2 là số chẵn.  - Số không chia hết cho 2 là số lẻ.  - HS đọc.  - 1 HS đọc.  - HS thảo luận nhóm đôi.  - Các số có chữ số tận cùng 0, 2, 4, 6, 8 là các số chẵn. Ví dụ: 40, 72, 214, 96, 2 318, ...  - Các số có chữ số tận cùng 1, 3, 5, 7, 9 là các số lẻ. Ví dụ: 31, 73, 615, 107,  1 909, ...  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - Dựa vào chữ số tận cùng (chữ số hàng đơn vị) của số đó. |
|  | |
|  |  |
| **3. Luyện tập: 15ph**  \* Cách tiến hành: | |
| Bài 1. ( 5ph ) Trong các số dưới đây, số nào là số chẵn, số nào là số lẻ? (Làm việc cá nhân)  - GV hướng dẫn học sinh làm miệng:  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 2: ( 5ph) Nêu các số chẵn, số lẻ trên tia số dưới đây. (Làm việc cá nhân)  - GV mời 1 HS nêu dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ.  - Cả lớp làm bài vào vở:    - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  Bài 3: ( 5ph) Từ 10 đến 31 có bao nhiêu số chẵn, bao nhiêu số lẻ? (Làm việc nhóm 2)  - Hỏi: Muốn biết từ 10 đến 31 có bao nhiêu số chẵn, bao nhiêu số lẻ ta làm thế nào?  - GV cho HS làm theo nhóm.  - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét chung, tuyên dương. | - 1 HS đọc đề bài.  - HS lần lượt trả lời, HS khác nhận xét.  + Số chẵn: 12; 108; 194; 656; 72  + Số lẻ: 315; 71; 649; 113; 107  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS đọc đề bài.  - 1 HS trình bày: Dựa vào chữ số tận cùng của số đó. Nếu chữ số tận cùng 0; 2; 4; 6; 8 là số chẵn; chữ số tận cùng 1; 3; 5; 7; 9 là số lẻ.  - Số chẵn là: 0; 2; 4; 6; 8; 10; 12  - Số lẻ là: 1; 3; 5; 7; 9; 11.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - 1 HS đọc đề bài.  - Viết các số từ 10 đến 31 trên tia số rồi đếm.  - Các nhóm làm việc theo phân công.  - Từ 10 đến 31 có 11 số chẵn, 11 số lẻ.  - Các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

|  |  |
| --- | --- |
|  | |
|  |  |
|  | |
|  |  |
| **4. Vận dụng trải nghiệm. 5 ph**  \* Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi hái hoa, ... sau bài học để học sinh nhận biết số số chẵn, số lẻ.  - Ví dụ: GV viết 8 số bất kì như: 52, 39; 597; 250; 101; 294; 306; 495 vào 8 phiếu. Mời 8 học sinh tham gia trải nghiệm: Phát 8 phiếu ngẫu nhiên cho 8 em, sau đó mời 8 em đứng thành 2 dãy: Số chẵn, số lẻ. Ai đúng sẽ được tuyên dương.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - 8 HS xung phong tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |

------------------------------------------------

**Bài 03: Tiết 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**Bài: DANH TỪ CHUNG, DANH TỪ RIÊNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Biết phân biệt danh từ chung và danh từ riêng.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu danh từ, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động (5’)**  - Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Tìm 3 danh từ chỉ người.  + Câu 2: Tìm 3 danh từ chỉ vật.  + Câu 3: Tìm 3 danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên.  + Câu 4: Tìm 3 danh từ chỉ thời gian  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dùng tranh minh họa hoặc dựa vào trò chơi để khởi động vào bài mới. | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời: cô giáo, bố, anh,...  + Trả lời: cái cặp, con mèo, ngôi nhà,..  + Trả lời: mưa, nắng, bão,....  + Trả lời: ngày, buổi sáng, năm,.....  - HS lắng nghe.  - Học sinh thực hiện. | |
| **2. Khám phá. ( 14’)** | | |
| **\* Tìm hiểu về danh từ.**  **Bài 1: ( 6’) Xếp các từ trong bông hoa vào nhóm thích hợp**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:  - GV mời HS làm việc theo nhóm bàn:    - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét kết luận và tuyên dương.  **Bài 2. (6’)(Trò chơi “Gửi thư”. Tìm hộp thư phù hợp với mỗi phong thư.**  - GV nêu cách chơi và luật chơi: GV tổ chức cho HS chơi thi đua giữa các nhóm (có thể 2-4 nhóm cùng chơi). GV chuẩn bị tranh hộp thư và các thẻ chữ hình phong thu để HS có thể thả các phong thư vào đúng hộp thư. Nhóm nào thả đúng và xong trước sẽ thắng. GV lưu ý HS chú ý nội dung và quan sát cách viết hoa / viết thường của các từ trong bài 1 theo gợi ý.      - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm.  - GV tổng kết: Các từ nhóm A được gọi là danh từ chung. Các từ nhóm B được gọi là danh từ riêng.  GV rút ra ghi nhớ: 2’  ***Danh từ chung là danh từ gọi tên một loại sự vật.***  ***Danh từ riêng là danh từ gọi tên một sự vật cụ thể, riêng biệt. Danh từ riêng được viết hoa.*** | | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.  - HS làm việc theo nhóm.  + người: Chu Văn An, Trần Thị Lý  + sông: Bạch Đằng, Cửu Long  + thành phố: Hà Nội, Cần Thơ  - Đại diện các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - HS lắng nghe cách chơi và luật chơi.  - Các nhóm tham gia chơi theo yêu cầu của giáo viên.   |  |  | | --- | --- | | NhómA (sông, người, thành phố) | - Viết thường  - Gọi tên một loại sự vật | | Nhóm B (Cửu long, Chu Văn An, Hà Nội) | - Viết hoa  - Gọi tên một sự vật cụ thể, riêng biệt. |   - Các nhóm lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - 3 - 4 HS đọc lại ghi nhớ |
| **3. Luyện tập. (13’)**  - Cách tiến hành: | | |
| **Bài 3. (6’)Tìm danh từ chung và danh từ riêng trong đoạn văn dưới đây:**  Kim Đồng là người anh hùng nhỏ tuổi của Việt Nam. Anh tên thật là Nông Văn Dèn (Có nơi viết là Nông Văn Dền), quê ở thôn Nà Mạ, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Trong lúc làm nhiệm vụ giao liên cho bộ đội ta, anh đã anh dũng hi sinh. Khi đó, anh vừa tròn 14 tuổi.  - GV mời HS làm việc theo nhóm 4  - GV mời các nhóm trình bày.  - GV mời các nhóm nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương | | - 1 HS đọc yêu cầu và nội dung bài tập 3.  - Các nhóm tiến hành thảo luận và đưa ra những danh từ chung và danh từ riêng trong đoạn văn:  + Danh từ chung: người, anh hùng, tuổi, tên, nơi, quê, thôn, xã, huyện, tỉnh, nhiệm vụ, bộ đội.  + Danh từ riêng: Việt Nam, Kim Đồng, Nông Văn Dèn, Nông Văn Dền, Nà Mạ, Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng.  - Các nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - Các nhóm khác nhận xét.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |
| **Bài tập 4: ( 7’) Tìm danh từ theo gợi ý dưới đây**  - GV mời HS đọc yêu cầu của bài.  - GV yêu cầu HS làm bài theo nhóm đôi vào vở.  GV thu vở chấm một số bài, nhận xét, sửa sai và tuyên dương học sinh.  - GV nhận xét, tuyên dương chung. | | - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 4.  + HS làm bài theo nhóm đôi vào vở.   |  |  | | --- | --- | | Danh từ chung chỉ 1 dụng cụ học tập | Thước, bút, cặp sách, sách, vở,... | | Danh từ riêng gọi tên 1 người bạn (Lưu ý: có thể chỉ có tên hoặc cả họ cả tên) | Hạnh, Thúy, Thương  Lê Thế Minh Dương  NguyễnHà Phương,.. | | Danh từ chung chỉ 1 nghề | Giáo viên, bác sĩ, kĩ sư, y tá, công nhân, ,.. | | Danh từ riêng gọi tên 1 con đường, con phố | Hùng Vương, Phạm Văn Đồng, .../ | | Danh từ chung chỉ 1 đồ dùng trong gia đình | Quạt, bát, đĩa, chảo, nồi, tủ lạnh,.... | | Danh từ riêng gọi tên 1 đất nước | Mỹ, Việt Nam, Lào. Nhật Bản,.... |   + HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm. (3’)**  - Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.  + GV chuẩn bị một số từ ngữ trong đó có danh từ và danh từ riêng để lẫn lộn trong hộp.  + Chia lớp thành 2 nhóm, của một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu)  + Yêu cầu các nhóm cùng nhau tìm những từ ngữ nào là danh từ chung, từ nào là danh từ riêng có trong hộp đưa lên dán trên bảng. Đội nào tìm được nhanh và chính xác sẽ thắng cuộc.  - Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..)  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | | |

**Thứ ba ngày 12 tháng 9 năm 2023**

**TUẦN 2:** **CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG**

Bài 03: LUYỆN TẬP(tiết 2)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Củng cố cách nhận biết về nhận biết số chẵn, số lẻ và bổ sung cách nhận biết hai số chẵn liên tiếp, hai số lẻ liên tiếp.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:5ph**  \* Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Nêu dấu hiệu nhận biết số chẵn?  + Câu 2: Nêu dấu hiệu nhận biết số lẻ?  + Câu 3: Số 538 là số chẵn hay số lẻ? Vì sao?  + Câu 4: Số 245 là số chẵn hay số lẻ? Vì sao?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời:  - Số chẵn là số có chữ số tận cùng là 0; 2; 4; 6; 8 chia hết cho 2.  - Số lẻ là số có chữ số tận cùng là 1; 3; 5; 7; 9 không chia hết cho 2  - Số 538 là số chẵn.  + Số 245 là số lẻ.  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập: 25ph**  \* Cách tiến hành: | |
| Bài 1. ( 5ph ) Con ong bay đến bông hoa màu nào nếu:  a) Con ong bay theo đường ghi các số chẵn?  b) Con ong bay theo đường ghi các số lẻ? (Làm việc cá nhân)  - GV hướng dẫn học sinh làm miệng:  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 2: ( 5ph ) Nêu số nhà còn thiếu. (Làm việc nhóm 2)  - GV cho HS thảo luận nhóm 2 và làm bài vào vở, 2 em lên bảng thực hiện.    - Nhận xét bài ở bảng.  - Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  Bài 3: ( 5ph ) a) Số? (Làm việc nhóm đôi)  - GV cho HS làm bài theo nhóm đôi.  + Biết 116 và 118 là hai số chẵn liên tiếp. Hai số chẵn liên tiếp hơn kém nhau đơn vị.  ?  + Biết 117 và 119 là hai số lẻ liên tiếp. Hai số lẻ liên tiếp hơn kém nhau đơn vị.  ?  - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  b) – Yêu cầu học sinh làm bài cá nhân vào vở.  Nêu tiếp các số chẵn để được ba số chẵn liên tiếp:  ?  ?  78  Nêu tiếp các số lẻ để được ba số lẻ liên tiếp:  67  ?  ?  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét.  - GV nhận xét tuyên dương.  Bài 4. ( 10 ph )Từ hai trong ba thẻ số 7, 4, 5, hãy lập tất cả các số chẵn và các số lẻ có hai chữ số. (Làm việc nhóm hoặc thi ai nhanh ai đúng.)  - GV cho HS nêu cách nhận biết số chẵn và số lẻ.  - GV chia nhóm hoặc thi để hoàn thành bài tập  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét. GV nhận xét tuyên dương. | - 1 HS đọc đề bài.  - HS lần lượt trả lời, HS khác nhận xét.  a) Con ong bay đến bông hoa màu xanh.  Vì 6 408 là số chẵn (Chữ số tận cùng là 8 chia hết cho 2)  b) Con ong bay đến bông hoa màu vàng.  Vì 1965 là số lẻ (Chữ số tận cùng là 5 không chia hết cho 2)  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS đọc đề bài.  - HS làm bài.  a. Bên dãy số chẵn: 116; 118; **120**; **122**; **124**; 126.  b. Bên dãy số lẻ: 117; 119; **121**; **123**; **125**; 127.  - Hs nhận xét.  - HS đổi vở soát nhận xét.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS đọc đề bài.  - Các nhóm làm bài.  + Biết 116 và 118 là hai số chẵn liên tiếp. Hai số chẵn liên tiếp hơn kém nhau **2** đơn vị. (Vì 118 – 116 = 2)  + Biết 117 và 119 là hai số lẻ liên tiếp. Hai số lẻ liên tiếp hơn kém nhau **2** đơn vị. (Vì 119 -117 = 2)  - Các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS làm bài vào vở  + Nêu tiếp các số chẵn để có ba số chẵn liên tiếp nhau: 78; **80; 82**  + Nêu tiếp các số lẻ để có ba số lẻ liên tiếp nhau: 67; **69; 71**  - HS nhận xét và đọc lại số.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - 1 HS đọc đề bài.  - Dựa vào chữ số tận cùng.  - HS làm việc theo yêu cầu.  + Các số chẵn có hai chữ số là: 74; 54  + Các số lẻ có hai chữ số là: 47; 45; 57; 75.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm. 5ph**  \* Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa, ...sau bài học để học sinh nhận biết số chẵn, số lẻ.  - Ví dụ: GV chọn 2 đội A và B. Mỗi đội 5 HS. Đội A là dãy nhà ghi số chẵn. Đội B là dãy nhà ghi số lẻ. GV ghi số số nhà đầu tiên của mỗi dãy. Đội nào ghi có số nhà tiếp theo nhanh và chính xác hơn sẽ chiến thắng, được tuyên dương.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - 10 HS xung phong tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |

------------------------------------------------

**Bài 03: (Tiết 3): VIẾT**

**TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Biết tìm ý cho đoạn văn nêu ý kiến.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết phân tích, đánh giá và chia sẻ những ý kiến của mình với bạn bè. Biết tôn trọng vẻ riêng và những điểm tương đồng giữa mọi người.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu đặc điểm và câu chủ đề trong đoạn văn, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết tôn trọng vẻ riêng và những điểm tương đồng giữa mọi người.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | |
| **1. Khởi động: ( 5’)** | | | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Khi viết đoạn văn nên ý kiến về một câu chuyện cần làm gì?  + Câu 2: Đoạn văn nêu ý kiến được trình bày như thế nào  + Câu 3: Kể tên 2 câu chuyện về tình cảm gia đình mà em đã được đọc hoặc được nghe.  + Câu 4: Kể tên 2 câu chuyện về các con vật mà em đã được đọc hoặc được nghe.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dùng tranh minh họa hoặc dựa vào trò chơi để khởi động vào bài mới. | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời: Khi viết đoạn văn nên ý kiến về một câu chuyện cần nói rõ mình thích hoặc không thích câu chuyện đó và nêu rõ lí do.  + Trả lời: Đoạn văn nêu ý kiến được trình bày như sau: Mở đầu; Triển khai; Kết thúc.  + Trả lời: Câu chuyện bó đũa; Sự tích cây vú sữa .....  + Trả lời: Rùa và Thỏ; Dế Mèn phiêu lưu kí....  - HS lắng nghe.  - Học sinh thực hiện. | | |
| **2. Luyện tập** | | | |
| **\* Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:**  **Đề 1:** Viết đoạn văn nên lí do yêu thích một câu chuyện về tình cảm gia đình mà em đã đọc hoặc đã nghe.  **Đề 2:** Viết đoạn văn nêu lí do yêu thích một câu chuyện về các con vật mà em đã đọc hoặc đã nghe.  **1 Chuẩn bị: 3’**  - 1 HS đọc 2 đề bài.  - GV hướng dẫn HS lựa chon 1 trong 2 đề và xác định yêu cầu trọng tâm của đề bài.  - GV mời HS đọc các yêu cầu chuẩn bị.  **2.Tìm ý viết bài: 17’**  + Em thích câu chuyện nào? Câu chuyện đó em đã đọc hay được nghe kể?  + Vì sao em thích câu chuyện đó? (Câu chuyện có nội dung gì hấp dẫn? Nhân vật nào thú vị? Chi tiết nào ấn tượng?  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến để trình bày trong  nhóm.  \* Tìm ý:  - GV hướng dẫn HS trong kĩ gợi ý theo từng phần của đoạn văn (mở đầu, triển khai, kết thúc)  - GV hướng dẫn HS dựa vào các câu trả lời ở phần Chuẩn bị, tìm ý cho bài làm của mình.  - HS viết vào vở hoặc giấy nháp các ý đã tìm được.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **2. Góp ý và chỉnh sửa. 8’**  - GV yêu cầu HS đổi vở với bạn trong nhóm, đọc thầm (phần tìm ý của bạn, góp ý nhận xét theo hướng dẫn)  + Thông tin về câu chuyện rõ ràng, đầy đủ.  + Lí do yêu thích câu chuyện được trình bày thuyết phục, có dẫn chứng cụ thể.  - GV hướng dẫn HS chỉnh sửa . | | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.  - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.  - Yêu cầu HS suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến để trình bày trong nhóm.  + Đề 1: Em thích câu chuyện sự tích cây vú sữa, câu chuyện em đã được đọc.  Em thích câu chuyện đó vì câu chuyện nói về tình cảm mẹ con, chi tiết gây ấn tượng là chi tiết cây vú sữa cuối câu chuyện.  + Đề 2: Em thích câu chuyện Rùa và Thỏ, câu chuyện em đã được đọc. Em thích câu chuyện đó vì nói về cuộc chạy đua giữa Thỏ và Rùa , nhân vật Rùa tuy chậm chạp nhưng chăm chỉ về đích trước. Nhân vật Thỏ tuy chạy nhanh nhưng coi thường rùa nên về đích sau,...  - 4 nhóm trình bày trước lớp.  - Các nhóm khác nhận xét.  - 1 HS đọc bài.  - HS thực hiện  HS viết bài vào vở hoặc giấy nháp.   |  |  | | --- | --- | | Mở đầu | Giới thiệu tên câu chuyện “Sự tích cây vú sữa” và nêu ý kiến chung đây là câu chuyện nổi tiếng viết về tình cảm gia đình. | | Triển khai | - Câu chuyện kể về tình mẹ con sâu nặng. Cậu con trai ham chơi ngỗ ngược bỏ di khiến mẹ buồn lòng và ngóng trông từng ngày. Khi cậu hối hận trở về thì mẹ đã biến thành cây vú sữa. Người mẹ thương con, dù biến thành cây nhưng vẫn cho ra những trái vú sữa ngọt ngào như dòng sữa mẹ cho con.  - Câu chuyện sử dụng nhiều chi tiết kì ảo, hấp dẫn. | | Kết thúc | - Câu chuyện khiến em rưng rưng xúc động.  - Bài học: là con cái, hãy hiếu thảo và yêu thương bố mẹ. |  |  |  | | --- | --- | | Mở đầu | Giới thiệu tên câu chuyện “Rùa và Thỏ” và nêu ý kiến chung đây là câu chuyện viết về các con vật. | | Triển khai | - Câu chuyện kể cuộc chạy đua giữa Thỏ và Rùa. Thỏ kiêu căng, ngạo mạn, chủ quan; Rùa chậm rãi, khiêm tốn đầy tự tin. Cuối cùng Rùa đã thắng Thỏ.  - Cách kể sinh động, con vật có suy nghĩ, hành động, nói năng như con người. | | Kết thúc | - Câu chuyện khiến em rưng rưng xúc động.  - Bài học: Không được chủ quan, coi thường người khác mà phải biết khiêm tốn, kiên trì, nỗ lực dể thành công |   - HS đổi vở nhận xét.  - HS chỉnh sửa theo nhận xét. | |
| **4. Vận dụng trải nghiệm. 2’** | | | |
| - GV tổ chức hướng dẫn HS viết, vẽ,.. lên một tấm bìa cứng để giới thiệu bản thân mình một cách thật sáng tạo.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | | | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
|  | | | |

**AN TOÀN GIAO THÔNG**

**BÀI 1: ĐIỀU KHIỂN XE ĐẠP AN TOÀN (Tiết 1)**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức:***

- Học sinh biết điều khiển xe đạp an toàn khi tham gia giao thông.

- Nắm được một số quy định về an toàn giao thông dành cho xe đạp.

***2. Năng lực:***

- Thực hiện các điều kiện đảm bảo an toàn khi điều khiển xe đạp tham gia giao thông.

- Nhận biết những hành vi điều khiển xe đạp không an toàn.

***3.Phẩm chất***: Nhắc nhở và chia sẻ người khác về việc điều khiển xe đạp an toàn, phòng tránh những hành vi điều khiển xe đạp không an toàn.

**II.CHUẨN BỊ:**

***1. Giáo viên:***

- Phương pháp: Trực quan, quan sát, gợi mở-vấn đáp, thực hành, thảo luận.

- Đồ dùng dạy học:

+ Xe đạp, mô hình giao thông.

+ Hình ảnh minh họa.

***2. Học sinh***: Phiếu thảo luận , xe đạp (Nếu có)

**III.TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Điều chỉnh** |
| **1. Khởi động**:  **2. Khám phá:**  **HĐ1: *Tìm hiểu các bước điều khiển xe đạp an toàn***  - Mục tiêu: HS nắm được các bước điều khiển xe đạp an toàn.  **HĐ2:** ***Nhận biết một số hành vi điều khiển xe đạp không an toàn***  - Mục tiêu: HS biết giải quyết những tình huống điều khiển xe đạp không an toàn.  **3. Thực hành**  Mục tiêu: HS biết điều khiển xe đạp an toàn.  **4. Vận dụng:**  \* Mục tiêu: HS biết xử lí một số tình huống khi điều khiển xe đạp trên đường.  **5. Tự đánh giá:** | \*Mời 1 HS lên tổ chức phần khởi động: Kể lại 1 số cách đi bộ an toàn mà em biết.  - Giáo viên nhận xét phần khởi động  \*Cho học sinh cùng hát bài: Đèn đỏ đèn xanh - Nhạc Lương Vĩnh  + Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Điều khiển xe đạp an toàn.  - Cách tiến hành:  \* Cho HS quan sát tranh và thảo luận nhóm đôi, sau đó chia sẻ:  + Nêu các bước điều khiển xe đạp an toàn ?  + Quan sát tranh và cho biết những việc cần làm trước khi điều khiển xe?  + Quan sát và nêu cách điều khiển xe đạp của các bạn trong tranh?  + Các bạn trong tranh đã thực hiện việc dừng, đỗ xe như thế nào ?  \*Kể các cách điều khiển xe an toàn mà em biết.  - GV kết luận kiến thức.  -Tiến hành:  - Cho HS qua tranh 1,2, 3, 4, 5 trang 6. (TLGD) Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4: Cách điều khiển xe đạp của các bạn trong tranh có an toàn không ? Vì sao ? Chỉ ra những hành vi điều khiển xe đạp không an toàn của các bạn trong tranh.  - Yêu cầu HS kể thêm một số hành vi đi xe đạp không an toàn khác  - GV kết luận  -Tiến hành:  +Cho HS quan sát tranh 1, 2 , 3, 4 trang 7 và thảo luận nhóm 4:  a) Quan sát tranh và chỉ ra những việc nên làm và không nên làm khi điều khiển xe đạp trong hình minh họa.  - Nói lời khuyên vói các bạn có hành vi chưa đúng trong tranh  - GV kết luận.  b) Sắm vai xử lí tình huống:  \* Trao đổi cách xử lí tình huống:  - GV yêu cầu HS trao đổi xử lí 2 tình huống (trang 7) theo nhóm 6  \* Sắm vai xử lí các tình huống  - GV chốt bài học.  \* Tiến hành:  - Tham gia trò chơi “ Em tập làm cảnh sát giao thông”  - GV phổ biến cách chơi và tổ chức cho các nhóm tham gia trò chơi (Trang 12)  \* Tổng kết bài học:  - Theo em, điều khiển xe đạp như thế nào là an toàn?  - Em hãy kể những hành vi điều khiển xe đạp không an toàn?  - GV nêu một số tình huống để HS bày tỏ ý kiển của mình bằng cách giơ bảng biểu hiện khuôn mặt  - GV nhận xét, kết luận: Sau bài học các em đã:  + Biết một số hiệu lệnh cơ bản của người điều khiển giao thông.  + Tuân thủ hiệu lệnh của người điều khiển giao thông khi tham gia giao thông | - Cả lớp tham gia trò chơi: Chuyền bóng.  - Học sinh cùng hát  - Lắng nghe  -Quan sát tranh.  -Thảo luận nhóm 2  -1 số nhóm chia sẻ.  a. Chuẩn bị  b. Điều khiển xe đạp  c. Dừng, đỗ xe  + Vặn lại ốc ở yên xe  + Kiểm tra phanh xe  + Kiểm tra lớp xe  + Dắt xe ra khỏi nhà....  - 1 số HS chia sẻ:  +  Điều khiển xe đạp bằng hai tay, phải đi đúng phần đường dành cho xe thô sơ và phải đi sát lề đường bên tay phải.  **+**Nghiêm túc tuân thủ các báo hiệu giao thông và ácc quy tắc an tòan giao thơng.  **+**Người đi xe đạp điện bắt buộc phải đôi nón bảo hiểm có cài quai đúng quy cách.  - HS chia sẻ:  + Bóp phanh, chống chân phải xuống đất, quan sát chướng ngại vật, dừng xe sát lề phải....  -Nêu ý kiến  - HS tham gia kể theo hiểu biết của mình.  + H1: Vượt đường sắt...  + H2: Vượt dèn đỏ  + H3: Đi hàng ba  + H4: Điều khiển xe 1 bánh  + H5: Vừa đi vửa nghe nhạc, Đk xe 1 tay...  + H6: ĐK xe sang làn đường dành cho ô tô....  - Quan sát tranh và thảo luận, chia sẻ ý kiến thảo luận.  - Các nhóm thảo luận chia sẻ ý kiến  + TH 1: Khuyên Bi không được đua xe  + TH 2: Ngăn cản Bông không vượt ẩu qua đường mà phải chấp hành luật giao thông.  - 2 nhóm sắm vai xử lí tình huống  - Các nhóm khác nêu nhận xét  - HS tham gia trò chơi  - HS phát biểu  - HS phát biểu  - Lắng nghe |  |

**TUẦN 2:**  **KHOA HỌC CHỦ ĐỀ 1: CHẤT**

**BÀI 2: SỰ CHUYỂN THỂ CỦA NƯỚC VÀ VÒNG TUẦN HOÀN CỦA NƯỚC TRONG TỰ NHIÊN- (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Quan sát và làm được thí nghiệm đơn giản để phát hiện ra sự chuyển thể của nước.

-Vẽ sơ đồ và sử dụng được các thuật ngữ: bay hơi, ngưng tụ, đông đặc, nóng chảy để mô tả sự chuyển thể của nước.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ thực hiện thí nghiệm, trải nghiệm để kiểm chứng tính thực tiễn của nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của bài học để năm chắc kiến thức.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thí nghiệm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để năm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point. Dụng cụ để HS làm được các thí nghiệm ở hình 3 SGK.Có thể chuẩn bị khay nước, khay đá như hình 2; các tranh ảnh liên quan đến chủ đề; GV có thể chuẩn bị trước trên giấy A3 để HS hoàn thiện. Bảng nhóm, bút dạ, bút chì hoặc phấn viết bảng.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: (3phút)**  - Mục tiêu: Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  GV cho HS quan sát hiện tượng khi dùng khăn ẩm lau bảng thì thấy bảng ướt sau đó đã khô, từ đó GV đặt câu hỏi:   Giải thích được việc làm khơi thông miệng hố ga góp phần chống ngập nước.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới  Khi lau bảng bằng khăn ẩm (Hình 1), chỉ một lát sau bảng khô. Vậy nước ở bảng đã đi đâu?  ***Bài 2 - Sự chuyển thể của nước và vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên*** | - HS tham gia trò chơi  - HS quan sát hiện tượng.  - HS trả lời: Nhiều nắp hố ga bị rác bịt kín, bị người dân dùng vải nhựa, ván ép, tôn kẽm bít lại để ngăn mùi hôi từ cống rãnh bốc lên gây ra ngập úng. Chính vì thế mỗi chúng ta cần phải tự ý thức được việc khơi thông miệng hố ga để đảm bảo nước có thể chảy xuống để tránh tình trạng ngập úng  HS lắng nghe.  HS trả lời: *Nước ban đầu có trên bảng ở thể lỏng, sau đó để chuyển sang thể khí (hơi) và bay vào không khí, vì vậy bảng đã khô.*  - HS theo dõi, ghi bài mới. |
| **2. Hoạt động:** | |
| **Hoạt động 1: Sự chuyển thể của nước (8 phút)**  **Cách thức thực hiện:** | |
| **\* Thí nghiệm 1.**  GV chuẩn bị: hai khay đá , 1 khay để trong vài giờ, một khay đá nhấc ra ngoài để vài giờ, giao cho 4 nhóm và yêu cầu:  - Tiến hành: - GV chia lớp thành các nhóm 4 HS, yêu cầu tất cả HS đọc các thông tin trong SGK trước khi đi vào hoạt động cụ thể.  - GV hướng dẫn các nhóm HS quan sát hình 2, hãy ghi chép sự thay đổi đã xảy ra với nước trong khay.    **\* Thí nghiệm2 : +Làm việc chung cả lớp -**  - Giáo viên :Chuẩn bị 1 cốc, đĩa, nước nóng, găng tay vải.  Tiến hành:  - Đeo găng tay.  - Rót nước nóng vào cốc (Hình 3a), quan sát và ghi chép hiện tượng xảy ra.  - Úp đĩa vào cốc nước nóng khoảng một phút rồi nhấc đĩa lên (Hình 3b). Quan sát và ghi chép hiện tượng xảy ra ở mặt trong của đĩa.  **+ Hoạtđộng nhóm bàn**  Từ các hiện tượng quan sát được ở trên, hãy:  - Cho biết nước có thể tồn tại ở thể nào.  - Chỉ ra sự chuyển thể của nước đã xảy ra trong mỗi hình.  GV cho 1 - 2 nhóm trả lời câu hỏi và nhận xét chéo nhau.  - GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, tuyên dương các nhóm có câu trả lời chính xác.  - GV tuyên dương và chuyển sang hoạt động tiếp theo. | - HS đọc thông tin SGK trang 9, 10.  - HS quan sát hình, thảo luận và viết câu trả lời  *+ Hình a: Nước từ thể lỏng chuyển sang thể rắn.*  *+ Hình b: Các viên nước đá từ thể rắn chuyển sang thể lỏng.*   HS quan sát GV làm thí nghiệm.    - HS thảo luận nhóm và viết câu trả lời vào bảng nhóm:  + *Nước có thể tồn tại ở ba thể là rắn, lỏng, khí.*  *+ Sự chuyển thể của nước xảy ra trong mỗi hình là:*  *Hình 3a: Nước từ thể lỏng chuyển sang thể khí (hơi).*  ·        *Hình 3b: Nước từ thể khí chuyển sang thể lỏng.* |
| **Hoạt động 2: Vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên (9 phút)**  **Cách thức thực hiện:** | |
| GV tổ chức cho HS hoạt động thành 4 nhóm, thực hiện  - GV hướng dẫn các nhóm HS quan sát và đọc thông tin trong hình 6, thảo luận và trả lời câu hỏi: *Hãy cho biết:*  *+ Nước mưa từ đâu ra?*  *+ Sự chuyển thể nào của nước diễn ra trong tự nhiên? Sự chuyển thể đó có lặp đi lặp lại không*  - GV tuyên dương và chuyển sang hoạt động luyện tập. | - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS quan sát hình 6, thảo luận và xung phong trình bày kết quả:  *+ Nước mưa được tạo ra từ đám mây đen do các hạt nước lớn trong đám mây đen rơi xuống.*  *+ Có hai sự chuyển thể của nước diễn ra trong tự nhiên là: thể lỏng thành thể khí (hơi) và thể khí thành thể lỏng. Sự chuyển thể đó được lặp đi lặp lại.* |
| **3. Tổng kết thí nghiệm:(9 phút)**  Cách tiến hành: | |
| **-** Qua các thí nghiệm đã làm, chúng ta thấy nước tồn tại ở mấy thể ? là những thể nào? GV tổ chức cho HS chơi trò chơi trắc nghiệm củng cố kiển thức:  **Câu 1:** Nước có thể tồn tại ở dạng thể nào?  A. Rắn                B. Lỏng  C. Khí                 D. Cả 3 đáp án trên  **Câu 2:** Hiện tượng nước từ thể rắn chuyển sang thể lỏng được gọi là  A. Nóng chảy      B. Đông đặc  C. Ngưng tụ         D. Bay hơi  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS trả lời cá nhân theo hiếu biết cuả mình qua quan sát các thí nghiệm.  - HS tham gia trò chơi.  - Đáp án:  *Câu 1D*  *Câu 2 A*   |  |  | | --- | --- | |  |  | |  |  | |
| 4**. Vận dụng trải nghiệm. (6 phút)**  - Cách tiến hành: | |
| - GV nêu câu hỏi để HS suy nghĩ, trả lời:  *Người ta thường phơi quần áo sau khi giặt ra nắng, gió. Em hãy cho biết mục đích của việc làm này và giải thích.*  - GV gọi 1 HS đứng lên trả lời, HS còn lại lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  - GV chốt đáp án.  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học theo nội dung "*Em đã học*":  + Sự chuyển thể của nước.  + Vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên.  - Về Hoàn thành câu hỏi trong mục "*Em có thể*".  - Đọc và chuẩn bị trước bài sau - ***Bài 2 - Sự chuyển thể của nước và vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên -Tiết 2.***- Nhận xét giờ học, tuyên dương. | - HS trả lời: *Mục đích để quần áo nhanh khô vì dưới tác động từ nhiệt của ánh nắng mặt trời làm nhiệt độ tăng thì nước ở thể lỏng chuyển sang thể khí và bay hơi.*  - HS chú ý lắng nghe, ghi nhớ.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  HS chú ý, thực hiện theo yêu cầu của GV. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |

-------------------------------------------------------

**TUẦN 2:**

**CHỦ ĐỀ 1: ĐỊA PHƯƠNG EM (TỈNH, THÀNH PHỐ**

**TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG)**

**Bài 2: THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI ĐỊA PHƯƠNG EM (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức kĩ năng :**

- Xác định được vị trí của Quảng Nam và Đại Lộc trên bản đồ hành chính Việt Nam.

- Mô tả được một số nét chính về tự nhiên( ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi…..) của địa phương có sử dụng lược đồ hoặc bản đồ.

- Rèn luyện kĩ năng quan sát và sử dụng bản đồ, các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

**2. Năng lực :**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ thực hiện sử dụng một số phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của môn Lịch sử và địa lí.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Biết chia sẻ, giúp đỡ bạn trong sử dụng, thực hành các hoạt động về Lịch sử, Địa lí.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động: 5phut**  - Cách tiến hành: | | |
| - GV giới thiệu đoạn thơ trong sách giáo khoa để khởi động bài học.  “ Núi rừng đây là của chúng ta  Những cánh đồng thơm mát  Những ngả đường bát ngát  Những dòng sông đỏ nặng phù sa”  - Đoạn thơ trên giúp em liên tưởng đến những cảnh đẹp thiên nhiên nào ở địa phương em?  - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. | | - HS đọc đoạn thơ và trả lời câu hỏi.  - Đoạn thơ trên giúp em liên tưởng đến cảnh lúa chín ở đồng quê, nơi có những cánh đồng xanh ngát, khi chín ngả màu vàng ươm...  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá***:*  **-** Mục tiêu:  + Xác định được vị trí của Quảng Nam và Đại Lộc trên bản đồ Việt Nam.  + Mô tả được một số nét chính về tự nhiên( ví dụ: địa hình, khí hậu…..) của địa phương có sử dụng lược đồ hoặc bản đồ.  + Rèn luyện kĩ năng quan sát và sử dụng bản đồ, các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.  **-** Cách tiến hành: | | |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu về vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên ở địa phương em (làm việc chung cả lớp) 10 phut**  ***\* Tìm hiểu về vị trí địa lí:***  - GV giới thiệu bản đồ hành chính Việt Nam.    - GV nêu câu hỏi: Em hãy quan sát hình 1 và cho biết:  + Xác định vị trí tỉnh Quảng Nam trên bản đồ hành chính Việt Nam.  + Tỉnh Quảng Nam tiếp giáp với các tỉnh / thành phố nào ?  + Tỉnh Quảng Nam tiếp giáp với những vùng biển nào?  - GV mời một số HS lên chỉ bản đồ và trả lời các câu hỏi trên.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **\* Tìm hiểu về thiên nhiên.**  - GV giới thiệu lược đồ tự nhiên  - GV mời HS sinh hoạt theo nhóm 2, thảo luận và thực hiện 2 nhiệm vụ:  + Cho biết bảng chú giải thể hiện những đối tượng nào?  + Quan sát lược đồ cho biết đặc điểm địa hình của tỉnh Quảng Nam?  + Đặc điểm sông, hồ ở tỉnh Quảng Nam như thế nào?  + Khí hậu Quảng Nam chia làm mấy mùa?  - GV nhận xét và bổ sung: *Quảng Nam có khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, có hai mùa rõ rệt mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Có các con sông lớn như: Thu Bồn, Vu Gia...* | | - HS quan sát bản đồ và đọc phần chú giải của bản đồ.  - HS làm việc chung cả lớp, quan sát bản đồ và trả lời câu hỏi:  + Quảng Nam là tỉnh miền Trung của Việt Nam, thuộc khu vực đồng bằng duyên hải miền Trung.  + Phía Tây Bắc giáp với huyện A. Lưới tỉnh Thừ Thiên – Huế. Phía Bắc giáp Đà Nẵng, phía Đông giáp biển, phía Tây giáp với Lào , phía Nam giáp với tỉnh Quảng Ngãi, Tây Nam giáp Kon Tum,  - Một số Hs lên thực hiện, cả lớp nhận xét bổ sung.  - HS quan sát lược đồ và nghe GV giải thích ý nghĩa, tác dụng của lược đồ.  + Cho biết sông, kênh rạch, vùng ngập nước, thành phố, biên giới quốc gia, phân tầng địa hình.  + Quảng Nam là vùng trung du, có nhiều sông núi liền nhau, có địa hình dốc, nên dễ bị lũ lụt.  + Quảng Nam có hệ thống sông ngòi nhiều, sông có độ dốc lớn thuận lợi cho việc phát triển thủy điện.  + Khí hậu Quảng Nam chia làm 4 mùa: Xuân Hạ, Thu, Đông.  - HS chú ý lắng nghe. |
| **3. Luyện tập**  **-** Cách tiến hành: | | |
| **Hoạt động 2: Hoàn thành bảng thông tin về vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên ở Quảng Nam.(Sinh hoạt nhóm 4) 10phut**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Mời cả lớp sinh hoạt nhóm 4, cùng nhau thảo luận và hoàn thành bảng thông tin.   |  |  | | --- | --- | | **A** | **B** | | Tên các tỉnh/thành phố tiếp giáp với Quảng Nam. | ? | | Các mùa trong năm của Quảng Nam. | ? | | Tên một số tuyến đường giao thông ở Quảng Nam. | ? |   - GV mời các nhóm trưng bài kết quả lên bản lớp.  - GV mời cả lớp cùng quan sát và đánh giá kết quả.  - GV nận xét tuyên dương | | - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Cả lớp sinh hoạt nhóm 4, cùng nhau thảo luận và hoàn thành bảng thông tin.   |  |  | | --- | --- | | **A** | **B** | | Tên các tỉnh/thành phố tiếp giáp với Quảng Nam. | Quảng Ngãi, TT- Huế, Kon Tum, Đà Nẵng | | Các mùa trong năm của Quảng Nam. | 4 mùa | | Tên một số tuyến đường giao thông ở Quảng Nam. | Đường bộ, đường thuỷ, đường hàng không., đường sắt. |   - Đại diện các nhóm trưng bài kết quả lên bản lớp.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |
| **4. Vận dụng trải nghiệm. 10phut**  - Cách tiến hành: | | |
| - GV mời HS tham gia trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”  + Luật chơi: chơi theo tổ, mỗi tổ cử một số bạn tham gia chơi. Trong thời gian 1 phút mỗi tổ kể tên các huyện, thành phố thuộc Quảng Nam. Tổ nào kể đúng và nhanh nhất là thắng cuộc.  + GV mời các tổ tham gia cùng tham gia chơi, GV làm trọng tài bấm giờ và xác định kết quả.  + Nhận xét kết quả các tổ, tuyên dương.  *Lưu ý: Quảng Nam là tỉnh có 2 thành phố trực thuộc tỉnh và có 2 Di sản văn hóa thế giới.*  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - Học sinh lắng nghe luật trò chơi.  + Các tổ tham gia chơi.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | | |

---------------------------------------------------

**TUẦN 2: CHỦ ĐỀ 1: BIẾT ƠN NGƯỜI LAO ĐỘNG**

**Bài 1: BIẾT ƠN NGUỜI LAO ĐỘNG (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Biết được vì sao phải biết ơn người lao động.

- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn qua việc thể hiện được lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. Nhắc nhở bạn bè, người thân có hành vi, thái độ biết ơn những người lao động.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ tự học, tự điều chỉnh hành vi, thái độ lời nói và việc làm biết ơn người lao động.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết tìm hiểu và tham gia những hoạt động thể hiện lòng biết ơn người lao động phù hợp với bản thân.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Yêu mến, kính trọng, biết ơn người lao động.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động: (5 phút)**  - Mục tiêu:  + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức trò chơi “ai nhanh, ai đúng” để khởi động bài học.  + GV đưa ra 3 bức tranh và yêu cầu HS tham gia trò chơi bằng cách quan sát tranh và xác định công việc và đóng góp cho xã hội.  + Tranh 1: Tranh chú thợ điện.  + Tranh 2: Tranh người đánh cá trên biển.  + Tranh 3: Tranh thợ sửa chữa xe máy.  - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. | | - HS lắng nghe luật chơi.  - HS tham gia chơi bằng cách xung phong.  + Tranh 1: làm nghề sửa chữa và cung cấp điện thắp sáng. Giúp mọi người có điện để dùng sinh hoạt và lao động.  + Tranh 2: Các ngư dân đánh cá, góp phần cung cấp thực phẩm hải sản cho mọi người.  + Tranh 3: Sửa chữa xe máy, giúp mọi người có phương tiện đi lại.  - HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động khám phá:**  **-** Mục tiêu: Biết được vì sao phải biết ơn người lao động.  **-** Cách tiến hành: | | |
| **Hoạt động 1: Khám phá vì sao phải biết ơn người lao động. (nhóm 2) (10 phút)**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.  - GV mời HS sinh hoạt nhóm 2, cùng nhau quan sát tranh, thảo luận và đưa ra ý kiến vì sao phải biết ơn người lao động.    - GV mời các nhóm trình bày trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và góp ý.  - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: | | - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - HS sinh hoạt nhóm 2, cùng nhau quan sát tranh và đưa ra ý kiến vì sao phải biết ơn người lao động.  - Các nhóm trình bày về hình ảnh và **giả thích vì sao phải biết ơn người lao động theo suy nghĩ của mình.**  - Các nhóm trình bày trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và góp ý.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **2. Luyện tập – Thực hành.**  **-** Mục tiêu: Có thái độ phù hợp với các đóng góp của người lao động và củng cố được ý nghĩa của việc biết ơn nguời lao động.  **-** Cách tiến hành: | | |
| **Hoạt động 2: Vì sao phải biết ơn người lao động. (Sinh hoạt nhóm 4) (10phút)**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.  - GV mời HS sinh hoạt nhóm 4, cùng nhau thảo luận và trả lời một số câu hỏi sau ssể hiểu vì sao phải biết ơn người lao động.  + Những sản phẩm đó càn thiết cho cuộc sống chúng ta như thế nào?  + Nêu nhận biết của em về công sức của người lao động.  - GV mời các nhóm trình bày trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và góp ý.  - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận:  *Trong cuộc sống, chúng ta cần có những sản phẩm như lương thực, thực phẩm và những đồ dùng càn thiết khác do người lao động tạo ra. Chúng ta cần có nnhững sản phẩm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần. Vì vậy chúng ta cần biết ơn người lao động.* | | - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - HS sinh hoạt nhóm 4, cùng nhau thảo luận và trả lời một số câu hỏi sau ssể hiểu vì sao phải biết ơn người lao động.  + Những sản phẩm đó rất cần thiết cho cuộc sống chúng ta vì giúp chúng ta sống, sinh hoạt hằng ngày.  + Để có được những sản phẩm màn đén cho mọi người dùng thì người lao động rất vả, khổ cực để làm ra những sản phẩm đó.  - Các nhóm trình bày thêm về hình ảnh và **giả thích vì sao phải biết ơn người lao động theo suy nghic của mình.**  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm. (10 phút)**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu thêm một số sản phẩm, dụng cụ, của gia do những người lao động làm nghề gì để có được.  (Ví dụ: cuốc, xẻng, dao, rựa,… do người thợ rèn làm ra)  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn dò về nhà. | - HS lắng nghe GV giao nhiệm vụ để về nhà tìm hiểu thêm về những sản phẩm do người lao động là ra để biết ơn họ.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | | |

---------------------------------------------------

**TUẦN 2: CHỦ ĐỀ: NHẬN DIỆN BẢN THÂN**

**Sinh hoạt theo chủ đề: NHỮNG VIỆC LÀM ĐÁNG TỰ HÀO CỦA BẢN THÂN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Giới thiệu được những việc làm đáng tự hào của bản thân.

- Học sinh đề xuất những việc cần làm để phát huy niềm tự hào của bản thân.

- Rèn luyện và phát triển kĩ năng nghe – nói góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết được những việc làm đáng tự hào của bản thân, tự tin về bản thân trước tập thể.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xây dựng cho mình hình ảnh đẹp trước bạn bè (tự hào về những việc làm của mình).

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong giao tiếp.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Tôn trọng, yêu quý bạn bè và niềm tự hào về bản thân của các bạn.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, rèn luyện để phát huy niềm tự hào về bản thân.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức tôn trọng, bảo vệ hình ảnh của bạn trong lớp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động: 5phut**  - Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức cho tham gia hoạt động: *Đọc một bài thơ tạo cảm xúc tự hào về bản thân* để khởi động bài học.  - GV HD HS cách chơi:  + GV có thể mời HS nghe một lượt bài thơ.    - Sau đó GV và HS cùng đọc theo cách tương tác. Cụ thể: GV đọc một câu – HS trả lời (không nhất thiết phải đáp ứng vần điệu)  Chó khoe .... (VD: canh nhà giỏi)  Lạc đà khoe..... (VD: chịu khát giỏi)  Chuột túi khoe ... (VD: nhảy giỏi)  - GV tiếp tục đọc tương tác:  *Mỗi người giỏi một việc*  *Mỗi người hay một việc*  *Người nào cũng thú vị*  *Người nào cũng đáng yêu*  - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. | | - HS tham gia hoạt động khởi động  - HS lắng nghe  - HS đọc tương tác cùng GV  - HS lắng nghe |
| 1. **Khám phá***: 15’*   cách tiến hành: | | |
| **\* Hoạt động 1: Giới thiệu những việc làm đáng tự hào của bản thân 10phut**  - GV YC HS nhớ lại những việc làm đáng tự hào của bản thân giải thích và cho ví dụ về những việc đáng tự hào của mình. Gợi ý:  + Những việc em làm thành công, VD: thực hiện được các hoạt động theo thời gian biểu, tổ chức tiệc chúc mừng sinh nhật mẹ, ...  + Những việc làm thể hiện sự tiến bộ của em, VD: Kết quả học tập môn Tiếng Việt đã tiến bộ hơn, phát âm tiếng Anh tốt hơn,...  + Những việc tốt giúp đỡ mọi người, vd: Giảng bài cho bạn, nhường đồ chơi cho em bé, ...  - GV HD HS ghi chép hoặc vẽ lại những việc làm đó bằng một hình thức mà em thích:  VD: Vẽ hình cái cây lên giấy và ghi trên các tán cây như hình vẽ trong SGK trang 8, vẽ sơ đồ tư duy, vẽ sơ đồ cây, kẻ bảng, …  - Gọi HS chia sẻ trước lớp  - GV theo dõi, động viên.  - GV nhận xét chung và chúc mừng học sinh đã nhận ra được những việc làm đáng tự hào của mình.  - GV kết luận: Mỗi người chúng ta đều có thể thực hiện những việc làm đáng tự hào của bản thân trong cuộc sống hàng ngày. Qua những việc làm đó, chúng ta sẽ nhận ra sự tiến bộ của bản thân để phát huy những việc làm đáng tự hào của mình hơn nữa. | | - HS thực hiện yêu cầu.  - HS làm bài cá nhân theo yêu cầu bài    - 4-5 HS chia sẻ trước lớp  - HS nhận xét bạn  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS lắng nghe |
| **3. Luyện tập. 10phut**  **-** Cách tiến hành: | | |
| **Hoạt động 2: Phát huy những việc làm đáng tự hào của bản thân (Làm việc chung cả lớp)**  - GV nêu vấn đề: Mỗi người chúng ta đều có những đặc điểm, những việc làm đáng tự hào. Các em có muốn niềm tự hào của chúng ta được phát huy hơn không? Muốn vậy chúng ta cần phải làm gì?  - GV YC HS nêu dự định về những việc cần làm để phát huy niềm tự hào của bản thân.  - GV YC HS ghi những việc cần làm vào bảng theo mẫu như sách giáo khoa trang 8  - GV lấy ví dụ minh họa cho HS tham khảo    - GV mời HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  - YC HS chia sẻ trong nhóm đôi  - GV mời một số em trình bày trước lớp.  - GV mời cả lớp nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương khả năng quan sát tinh tế của các nhóm.  - GV kết luận: Để bản thân ngày càng tốt hơn, đáng yêu hơn trong mắt mọi người, chúng ta cần không ngừng phát huy niềm tự hào của bản thân bằng những việc làm phù hợp. | - HS lắng nghe  - HS nêu dự định về những việc cần làm để phát huy niềm tự hào của bản thân.  - HS lắng nghe nhiệm vụ cá nhân  - HS quan sát và đọc thầm các ví dụ  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  - HS chia sẻ trong nhóm đôi  - 3-4 HS lên trình bày trước lớp.  - Cả lớp nhận xét, góp ý cho bạn.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.10phut**  - Cách tiến hành: | | |
| - GV nêu yêu cầu và hướng dẫn học sinh về nhà cùng với người thân:  + Suy nghĩ và thảo luận với người thân về những việc cần làm để phát huy niềm tự hào của bản thân.  + Thực hiện dự định để phát huy niềm tự hào của bản thân; Ghi lại kết quả cảm xúc khi thực hiện để chia sẻ trong tiết học sau  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - Học sinh tiếp nhận thông tin và yêu cầu để về nhà ứng dụng với các thành viên trong gia đình.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | | |

**Thứ tư ngày 13 tháng 9 năm 2023**

**Bài 04: CÔNG CHÚA VÀ NGƯỜI DẪN CHUYỆN (4 tiết)**

**Tiết 1+2: ĐỌC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện ***Công chúa và người dẫn chuyện***.

- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời của mỗi nhân vật trong câu chuyện.

- Nhận biết được đặc điểm của từng nhân vật trong câu chuyện.

- Hiểu được suy nghĩ của nhân vật thông qua lời nói, hành động của nhân vật.

- Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Cũng như các loài hoa, mỗi người có vẻ đẹp và giá trị riêng.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Biết trân trọng vẻ đẹp và giá trị của những người xung quanh; đánh giá, nhận xét, bày tỏ ý kiến về vẻ đẹp của mỗi người.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài văn, ý thức được và biết trân trọng giá trị của mình vì mỗi người đều có vẻ đẹp và những điều đáng quý.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác luyện đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động (5’)** | | |
| - GV hướng dẫn HS lựa chọn một loài hoa, tưởng tượng mình là loài hoa đó để giới thiệu trong nhóm: tên, màu sắc, vẻ đẹp, hương thơm, ích lợi,.... (Làm việc nhóm đôi)  + Đại diện nhóm trình bày trước lớp.  - Trong lời giới thiệu của bạn, em muốn bổ sung điều gì?  - Em thích loài hoa nào? Vì sao?  - GV yêu cầu HS quan sát tranh minh họa trả lời câu hỏi: Tranh vẽ những ai? Họ đang làm gì? Ở đâu?  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV: Mỗi loài hoa có một vẻ đẹp, hương thơm, lợi ích khác nhau, con người có giống như vậy không, chúng ta cùng tìm hiểu điều đó qua bài tập đọc *Công chúa và người dẫn chuyện* nhé! | - HS Làm việc theo nhóm đôi.  + 3 nhóm trình bày trước lớp. Nhóm khác nhận xét.  + HS trả lời.  + HS trả lời.  - Tranh vẽ mẹ và bạn nhỏ đang nói chuyện với nhau,....  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - Học sinh lắng nghe. | |
| **2. Khám phá.** | | |
| **2.1. Hoạt động 1: Đọc đúng.( 12’)**  - GV ( HS) đọc mẫu lần 1:*,...*  - GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện. Đọc phân biệt giọng điệu của các nhân vật trong câu chuyện.  - Bài văn chi làm mấy đoạn ?  - GV chốt ý dúng  + Đoạn 1: từ đầu đến *vui lắm*.  + Đoạn 2: tiếp theo cho đến *nhường vai chính cho bạn.*  + Đoạn 3: tiếp theo cho đến *Giét – xi nói.*  + Đoạn 4: đoạn còn lại.  - GV gọi 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *Giét – xi, ngưỡng mộ, sân khấu, xấu hổ,...*  - GV hướng dẫn luyện đọc câu:  *Sau bữa trưa, cô giáo thông báo / Giét – xi được chọn đóng vai công chúa trong vở kịch sắp tới; ...*  *- H*ọc sinh luyện đọc theo nhóm 2.  - Đọc phần chú giải SGK nếu có  - 1 HS đọc toàn bài  - GV nhận xét sửa sai. | | - Hs lắng nghe cách đọc.  - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.  HS Trả lời.  - 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - HS đọc từ khó.  - 2 - 3 HS đọc câu.  *- H*ọc sinh đọc nối tiếp đoạn  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **2.HĐ luyện tập trả lời câu hỏi( 15’)** | | |
| - GV mời 1 HS đọc toàn bài.  - GV hướng dẫn HS hiểu nghĩa một số từ:  + Ngưỡng mộ: là một cảm xúc xã hội cảm nhận được khi quan sát những người có năng lực, tài năng hoặc kĩ năng vượt quá tiêu chuẩn.  + Hào hứng: Cảm thấy có hứng thú mạnh mẽ.  - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong SGK.  + Câu 1: Tìm các câu văn thể hiện thái độ của Giét – xi đối với mỗi vai diễn được giao?  + Câu 2: Vì sao Giét – xi buồn khi phải đổi sang vai người dẫn chuyện?  + Câu 3: Theo em, mẹ rủ Giét – xi cùng nhổ cỏ vườn để làm gì?( HS đọc 4 ý A,B,C D SGK) chọn ý đúng  + Câu 4: Đoán xem Giét – xi cảm thấy thế nào khi trò chuyện cùng mẹ?  Câu 5: Em học được điều gì từ câu chuyện trên?  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV mời HS nêu nội dung bài.  - GV nhận xét và chốt: ***Cũng như các loài hoa, mỗi người có vẻ đẹp và giá trị riêng.*** | | - Cả lớp lắng nghe.  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  HS trả lời lần lượt các câu hỏi:  + Vai công chúa: Cảm nhận được ánh mắt ngưỡng mộ của bạn bè, Giét – xi vui lắm. Về nhà, Giét – xi hào hứng kể cho mẹ nghe.  + Vai người dẫn chuyện: Lời cô rất dịu dàng nhưng Giét – xi thấy buốn lắm. Sau không buồn khi phải nhường vai chính cho bạn!  + Giét – xi buồn vì nghĩ rằng vai công chúa mới là vai chính, vai quan trọng / được đóng vai công chúa các bạn mới ngưỡng mộ vì công chúa rất xinh đẹp, còn vai người dẫn chuyện là vai phụ, không quan trọng.  + Đáp án C: Mẹ muốn Giét – xi hiểu: Cũng như các loài hoa, mỗi người có vẻ đẹp và giá trị riêng.  + Giét – xi hiểu vai công chúa và người dẫn chuyện trong vở kịch đều quan trọng như nhau, mỗi vai có một giá trị riêng. Con người cũng như những loài hoa, mỗi người có một vẻ đẹp và giá trị riêng (Người đóng vai công chúa thể hiện lời nói, hành động của công chúa. Còn người đóng vai người dẫn chuyện có vai trò thông báo thông tin về thời gian, không gian, địa điểm, thậm chí cả về hoàn cảnh sống của nhân vật, kể về những gì xảy ra trong quá khứ hoặc ở bên ngoài sân khấu mà khán giả không trực tiếp nhìn thấy, ...). Giét – xi sẽ cảm thấy không buồn nữa...  + Qua câu chuyện, em học được vai diễn nào cũng quan trọng và góp phần làm nên thành công cho vở kịch, vì mỗi vai có một vai trò riêng;  -Em học được bài học phải ý thức được và biết trân trọng giá trị của mình vì mỗi người đều có vẻ đẹp và những điều đáng quý,...  - HS lắng nghe.  HS nêu nội dung bài theo sự hiểu biết của mình.  - HS nhắc lại nội dung bài học. |
| **3. HĐ Luyện đọc diễn cảm. ( 8’)**  - GV Hướng dẫn lại cách đọc diễn cảm.  - HS đọc thầm bài văn  -3,4 Hs đọc nối tiếp đoạn.  - Nêu cách đọc đúng bài văn.  - Thi đọc diễn cảm theo cách phân vai  - GV nhận xét, tuyên dương. | | - HS lắng nghe lại cách đọc diễn cảm.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  -Hs đọc theo nhóm phân vai  - Nhận xét |
| **(Tiết 2)**  **HĐ . Luyện tập theo văn bản**  **\* Đọc lại văn bản (7’)**  **-**Gv gọi 2 Hs đọc lại câu chuyện.( đọc đúng văn bản văn KC)  **-** Nêu nội dung chính của câu chuyện .  **-Bài 1 : ( 10’):**  GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1Tìm các danh từ chỉ người trong bài đọc *Công chúa và người dẫn chuyện.*  - Mời học sinh làm việc nhóm 4.  - Mời đại diện các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương.    **Bài 2. ( 12’)**  GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2: Viết 2 – 3 câu nêu nhận xét về một nhân vật mà em yêu thích trong câu chuyện trên.  - GV mời cả lớp làm việc cá nhân, ( miệng )  - HS viết bài vào vở.  - HS NK viết thành đọc văn . HS tiếp thu chậm có thể đặt 1-2 câu.  - Mời một số HS trình bày kết quả (hoặc thu vở chấm một số em)  - GV nhận xét, tuyên dương | | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1.  - Các nhóm tiến hành thảo luận.  Các danh từ chỉ người trong bài đọc *Công chúa và người dẫn chuyện* là: công chúa, người dẫn chuyện, Giét – xi, cô giáo, mẹ, bạn bè,…  - Đại diện các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - 1 HS đọc yêu cầu bài 2.  -  Cả lớp làm việc cá nhân,  viết bài vào vở.  Trong câu chuyện Công chúa và người dẫn chuyện, em thích nhất là nhân vật mẹ của Giét – xi. Người mẹ hiền từ và luôn giúp đỡ, động viên con gái mình, khiến Giét – xi nhận ra: *Mỗi người có vẻ đẹp và giá trị riêng của mình.*  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm. ( 5’)** | | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh thi đọc diễn cảm bài văn.  - Nhận xét, tuyên dương.  - Qua câu chuyện em rút ra bài học gì cho bản thân?  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Một số HS tham gia thi đọc thuộc lòng. | |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  …....................................................................................................................................  ….................................................................................................................................... | | |

------------------------------------------------

**TUẦN 1:** **CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG**

Bài 04: BIỂU THỨC CHỨA CHỮ (TIẾT 1)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Nhận biết được biểu thức chứa một chữ.

- Tính được giá trị của biểu thức chứa chữ với các giá trị cụ thể của mỗi chữ trong biểu thức đó.

- Vận dụng vào tính chu vi hình vuông theo các công thức có chứa chữ.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: 5ph**  \* Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Hai số chẵn liên tiếp hơn kém nhau mấy đơn vị?  + Câu 2: Hai số lẻ liên tiếp hơn kém nhau mấy đơn vị?  + Câu 3: Tìm số chẵn liền sau của số 518?  + Câu 4: Tìm số lẻ liền trước của số 101?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời:  - Hai số chẵn liên tiếp hơn kém nhau 2 đơn vị.  - Hai số lẻ liên tiếp hơn kém nhau 2 đơn vị.  - Số chẵn liền sau của số 518 là 520.  - Số lẻ liền trước của số 101 là 99.  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá:10ph**  \* Cách tiến hành: | |
| a. GV đưa ra tình huống.  + Nam gấp được mấy cái thuyền?  + Việt gấp được mấy cái thuyền?  + Cả Nam và Việt gấp được tất cả bao nhiêu cái thuyền?  + Mai Gấp được bao nhiêu cái thuyền.  + Rô – bốt đã nói Mai gấp được bao nhiêu cái thuyền?  + Vậy Nam và Mai gấp được tất cả bao nhiêu cái thuyền?  - GV: 2 + a là biểu thức có chứa chữ.  + Nếu a = 4 thì 2 + a = ?  - Tương tự, GV hướng dẫn HS tìm giá trị của biểu thức 2 + a nếu a = 12.  **- GV: Mỗi lần thay chữ a bằng một số ta tính được một giá trị của biểu thức 2 + a.**  b. Tính giá trị của biểu thức 40 – b với b = 15.  - Yêu cầu HS làm bài vào giấy nháp. 1 HS lên bảng làm bài.  - Gọi HS trình bày bài làm.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS quan sát và trả lời câu hỏi:  - Nam gấp được 2 cái thuyền.  - Việt gấp được 4 cái thuyền.  - 2 + 4 = 6 (cái thuyền)  - Chưa biết.  - Rô – bốt nói Mai gấp được a cái thuyền.  - 2 + a (cái thuyền)  + Nếu a = 4 thì 2 + a = 2 + 4 = 6. 6 là giá trị của biểu thức 2 + a.  + Nếu a = 12 thì 2 + a = 2 + 12 = 18. 18 là giá trị của biểu thức 2 + a.  - 1 HS nhắc lại.  - HS làm bài vào giấy nháp. 1 HS lên bảng làm bài.  40 – b = 40 – 15 = 25  - HS theo dõi, nhận xét.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Luyện tập: 15ph**  \* Cách tiến hành: | |
| Bài 1. ( 5ph ) Tính giá trị của biểu thức. (Làm việc cá nhân)  - GV yêu cầu học sinh làm bài cá nhân vào vở, 2 em lên bảng làm.  a) 125 : m với m = 5.  b) (b + 4) x 3 với b = 27.  - Nhận xét bài ở bảng.  - Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 2: ( 5ph ) Chu vi P của hình vuông có độ dài cạnh là a được tính theo công thức:  P = a x 4. Hãy tính chu vi hình vuông với a = 5 cm; a = 9 cm.  (Làm việc nhóm đôi)  - GV mời 1 HS đọc lại quy tắc tính chu vi hình vuông.  GV: a x 4 là biểu thức gì?  - GV yêu cầu HS làm bài theo nhóm đôi.  - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  Bài 3: ( 7 ph ) Chọn giá trị của biểu thức:  35 + 5 x a trong mỗi trường hợp sau.  (Làm việc nhóm hoặc thi ai nhanh ai đúng.)  - GV chia nhóm hoặc thi để hoàn thành bài tập.    - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét. GV nhận xét tuyên dương. | - 1 HS đọc đề bài.  - HS làm bài vào vở.  a) Nếu m = 5 thì 125 : m = 125 : 5 = 25.  Nếu b = 27 thì (b + 4) x 3 = (27 + 4) x 3 = 31 x 3 = 93  - HS nhận xét bài ở bảng.  - HS đổi vở soát, nhận xét.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - 1 HS đọc đề bài.  - Muốn tính chu vi hình vuông ta lấy độ dài một cạnh nhân với 4.  - a x 4 là biểu thức có chứa một chữ.  - HS làm bài theo nhóm.  Nếu a = 5 cm thì P = a x 4 = 5 x 4 = 20 (cm)  Nếu a = 9 cm thì P = a x 4 = 9 x 4 = 36 (cm)  - Các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - 1 HS đọc đề bài.  - HS làm việc theo yêu cầu.  + Giá trị của biểu thức 35 + 5 x a với a = 2 là 45 (Vì P = 35 + 5 x 2 = 35 + 10 = 45)  + Giá trị của biểu thức 35 + 5 x a với a = 5 là 60 (Vì P = 35 + 5 x 5 = 35 + 25 = 60)  + Giá trị của biểu thức 35 + 5 x a với a = 7 là 70 (Vì P = 35 + 5 x 7 = 35 + 35 = 70)  + Giá trị của biểu thức 35 + 5 x a với a = 6 là 65 (Vì P = 35 + 5 x 6 = 35 + 30 = 65)  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm. 3ph**  \* Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa, ... sau bài học để học sinh nhận biết biểu thức có chứa chữ.  - Ví dụ: GV viết lên bảng biểu thức có chứa một chữ: 25 + 5 x a. GV mời 5 HS lên bảng ứng với 5 giá trị của a. Ai tính đúng giá trị của biểu thức sẽ được tuyên dương.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - 5 HS xung phong tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |

**CHỦ ĐỀ 1: CÔNG NGHỆ VÀ ĐỜI SỐNG**

**Bài 1: LỢI ÍCH CỦA HOA VÀ CÂY CẢNH (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nêu được lợi ích của hoa và cây cảnh đối với đời sống.

- Có hứng thú với việc trồng, chăm sóc và bảo vệ hoa, cây cảnh.

- Rèn luyện kĩ năng để góp phần phát triển năng lực công nghệ, năng lực thẩm mỹ.

- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn qua việc chia sẻ được lợi ích của hoa và cây cảnh trồng ở trường hoặc gia đình.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tìm hiểu lợi ích của hoa và cây cảnh ở gia đình, trường học, địa phương đối với đời sống.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất được ý tưởng dùng hoa, cây cảnh để trang trí trong phòng học hoặc ở nhà.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm để đề xuất các vấn đề của bài học.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: tích cực với việc trồng, chăm sóc và bảo vệ hoa, cây cảnh.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể. Yêu thích hoa và cây cảnh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động: 5 PHÚT**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV giới thiệu video một số sản phẩm được làm từ hoa, cây cảnh để khởi động bài học.  + GV Cùng trao đổi với HS về vẻ đẹp của hoa, cây cảnh đã xem trong video: Em nhận xét xem.  + GV hỏi thêm: Em có thích hoa và cây cảnh không?  - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. | | - Cả lớp theo dõi video.  - HS chia sẻ những suy nghĩ của mình qua xem video hoa và cây cảnh đẹp.  - HS trả lời theo suy nghĩ của mình.  - HS lắng nghe. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | | |
|  | | | |
|  | | |  |
| **2. Hoạt động khám phá***:*  **-** Cách tiến hành: | | | |
| **Hoạt động 1: Làm sạch không khí. (Làm việc chung cả lớp) 10 phút**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.  - GV mời HS làm việc chung cả lớp, cùng quan sát tranh và trả lời bằng thẻ.  + Em hãy sử dụng các thẻ dưới đây gọi tên các loài hoa, cây cảnh có khả năng làm sạch không khí:      - GV giới thiệu từng tranh, mời học sinh đưa thẻ.  - GV nhận xét chung, tuyên dương và chốt: Có một số loại hoa, cây cảnh có thể làm sạch không khí, lọc chất độc lại trong không khí để tạo ra không khí sạch trong lành cho con người. | | - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc chung cả lớp: Quan sát tranh và trả lời câu hỏi:  + Hình a: Cây nha đam.  + Hình b: Cây lan ý  + Hình c: Cây ngọc ngân.  + Hình d: Cây vạn niên thanh.  + Hình e: Cây lưỡi hổ.  + Hình g: Cây phát lộc.  - HS đưa thẻ tương ứng với tranh.  - HS lắng nghe, ghi nhớ. | |
| **3. Hoạt động luyện tập. 10 phút**  - Cách tiến hành: | | | |
| **Hoạt động 2: Chia sẻ cùng bạn. (sinh hoạt nhóm 4)**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.  - GV mời HS sinh hoạt nhóm 4, cùng nhau thảo luận và chia sẻ về những loại hoa, cây cảnh có khả năng làm sạch không khí mà em biết.  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm. | | - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.  - GV mời HS sinh hoạt nhóm 4, cùng thau thảo luận và chia sẻ về những loại hoa, cây cảnh có khả năng làm sạch không khí mà em biết:  img Cách trồng và ý nghĩa phong thuỷ của cây trầu bà  Cây nhện Cây trầu bà.  Cây Thường Xuân tác dụng và ý nghĩa phong thủy Cây thiết mộc lan: Ý nghĩa, hình ảnh, cách trồng, chăm sóc tại nhà  Cây thường xuân Cây thiết mộc lan  ….  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.10 phút**  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV yêu cầu HS về nhà trồng và chăm sóc một cây cảnh có thể thanh lọc không khí và chăm sóc thật tốt.  - Nhận xét sau tiết dạy.  - Dặn dò về nhà. | | - Học sinh lắng nghe nhiệm vụ và cam kết thực hiện tại nhà. Báo cáo cho thầy cô về các giai đoạn thực hiện.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | | | |

---------------------------------------------------

**Thứ năm ngày 14 tháng 9 năm 2023**

**CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG**

Bài 04: LUYỆN TẬP (Tiết 2)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Nhận biết được biểu thức chứa hai chữ và tính được giá trị của biểu thức chứa hai chữ.

- Vận dụng giải bài toán tính chu vi hình chữ nhật và các bài toán liên quan khác.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: 5ph**  \* Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  Tính giá trị của các biểu thức sau:  + Câu 1: 275 : a với a = 5  + Câu 2: 65 + b x 6 với b = 7  + Câu 3: 128 – m : 5 với m = 30  + Câu 4: n x 9 – 15 với n = 3  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời:  - Với a = 5 thì 275 : a = 275 : 5 = 55  - Với b = 7 thì 65 + b x 6 = 65 + 7 x 6 = 65 + 42 = 107  - Với m = 30 thì 128 – m : 5 = 128 – 30 : 5 = 128 - 6 = 122  - Với n = 3 thì n x 9 – 15 = 3 x 9 – 15 = 27 - 15 = 12  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập: 27ph**  \* Cách tiến hành: | |
| Bài 1.( 5ph )Số? (Làm việc cá nhân)  - GV mời 1 HS đọc quy tắc tính chu vi hình chữ nhật.  - GV: Chu vi hình chữ nhật có chiều dài a, chiều rộng b (cùng đơn vị đo) được tính theo công thức: P = (a + b) x 2. Hãy tính chu vi hình chữ nhật theo kích thước như bảng sau:  - GV giới thiệu: (a + b) x 2 là biểu thức có chứa hai chữ.  - GV hướng dẫn học sinh làm miệng:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Chiều dài** | **Chiều rộng** | **Chu vi hình chữ nhật (cm)** | | 10 | 7 | 34 | | 25 | 16 | ? | | 34 | 28 | ? |   - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 2: ( 5ph ) a) Tính giá trị của biểu thức:  a + b x 2 với a = 8, b = 2.  b) Tính giá trị của biểu thức (a + b) : 2 với a = 15, b = 27.  (Làm việc nhóm đôi)  - GV cho HS làm bài theo nhóm đôi vào vở. 2 em lên bảng.  - Nhận xét bài ở bảng.  - Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  Bài 3:( 7ph ) Quãng đường ABCD gồm 3 đoạn như hình vẽ dưới đây. (Làm việc nhóm 4)    Hãy tính độ dài quãng đường ABCD với:  a) m = 4 km, n = 7 km.  b) m = 5 km, n = 9 km.  + GV mời HS nêu cách tính độ dài quãng đường ABCD.  - GV cho HS làm bài theo nhóm.  a) m = 4 km, n = 7 km.  b) m = 5 km, n = 9 km.  - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  Bài 4. ( 10ph)  a) Tính giá trị của biểu thức 12 : (3 – m) với m = 0; m = 1; m = 2.  b) Trong ba giá trị của biểu thức tìm được ở câu a, với m bằng bao nhiêu thì biểu thức 12 : (3 – m) có giá trị lớn nhất? (Làm việc nhóm hoặc thi ai nhanh ai đúng.)  - GV chia nhóm hoặc thi để hoàn thành bài tập  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét. GV nhận xét tuyên dương.  - Tuỳ điều kiện của từng lớp, GV nêu bài toán tổng quát: Với giá trị nào của a thì biểu thức12 : (3 – a) có giá trị lớn nhất?  - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm 4 tìm kết quả.  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét. GV nhận xét tuyên dương. | - 1 HS đọc đề bài.  - Muốn tính chu vi hình chữ nhật ta lấy chiều dài cộng với chiều rộng (cùng đơn vị đo) rồi nhân với 2.  - 1 HS nhắc lại.  - HS lắng nghe.  - HS lần lượt trả lời,HS khác nhận xét.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Chiều dài** | **Chiều rộng** | **Chu vi hình chữ nhật (cm)** | | 10 | 7 | 34 | | 25 | 16 | 82 | | 34 | 28 | 124 |   - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - 1 HS đọc đề bài.  - HS làm bài vào vở.  a) Nếu a = 8, b = 2 thì a + b x 2 = 8 + 2 x 2 = 8 + 4 = 12.  b) Nếu a = 15, b = 27 thì (a + b) : 2 =  (15 + 27) : 2 = 42 : 2 = 21.  - HS nhận xét .  - HS đổi vở, soát vở nhận xét.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS đọc đề bài.  - Độ dài quãng đường ABCD (độ dài đường gấp khúc ABCD): m + 6 + n.  - Các nhóm làm bài.  Bài giải:  a) Độ dài quãng đường ABCD là:  4 + 6 + 7 = 17 (km)  b) Độ dài quãng đường ABCD là:  5 + 6 + 9 = 20 (km)  Đáp số: a) 17 km b) 20km  - Các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - 1 HS đọc đề bài.  - HS làm việc theo yêu cầu.  a) Nếu m = 0 thì 12 : (3 – m) = 12 : (3 –0) = 12 : 3 = 4.  Nếu m = 1 thì 12 : (3 – 1) = 12 : (3 – 1) = 12 : 2 = 6.  Nếu m = 2 thì 12 : (3 – 2) = 12 : (3 – 2) = 12 : 1 = 12.  b) Từ ba giá trị của biểu thức tính được ở câu a, HS tìm được với m = 2 thì biểu thức 12 : (3 – m) có giá trị lớn nhất là 12.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - 1 HS nhắc lại yêu cầu  - HS thảo luận nhóm 4.  + Cách 1: Nhận xét: 3 – a khác 0, a không thể là 3; a bé hơn 3 để 3 trừ được cho a. Vậy a chỉ có thể là a = 0; a = 1; a = 2.  Nếu a = 0 thì 12: (3 – a) = 12:(3 – 0)= 4  Nếu a = 1 thì 12: (3 – a) = 12:(3 – 1)= 6  Nếu a = 2 thì 12: (3 – a) = 12:(3 –2)= 12  Mà 12 > 6 > 4, vậy với a = 2 thì biểu thức 12 : (3 – a) có giá trị lớn nhất.  + Cách 2: Nhận xét: Trong phép chia  12 : (3 – a), số bị chia 12 không đổi, số chia (3 – a) càng bé thì thương càng lớn. Do đó thương của 12 chia cho (3 – a) lớn nhất khi (3 – a) bé nhất có thể, khi đó 3 – a = 1 hay a = 2. Vậy với a = 2 thì biểu thức 12 : (3 – a) có giá trị lớn nhất.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.3ph**  \* Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để củng cố biểu thức có chứa chữ  - Ví dụ: GV chọn 9 HS. GV viết vào 3 phiếu ghi số đo của chiều dài hình chữ nhật; 3 phiếu ghi số đo chiều rộng hình chữ nhật; 3 phiếu ghi chu vi của hình chữ nhật. GV phát 9 phiếu ngẫu nhiên cho 9 em, sau đó mời 9 em đứng thành 3 đội (chiều dài, chiều rộng, chu vi). Đội nào gắn nhanh phép tính và kết quả đúng sẽ chiến thắng, được tuyên dương.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - 9 HS xung phong tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |

------------------------------------------------

**Bài 04: Tiết 3: VIẾT**

**Bài: VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Viết được cách viết đoạn văn nêu ý kiến (nêu lý do vì sao mình thích câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe).

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết sử dụng câu văn đúng, hay và phù hợp với hoàn cảnh để nêu ý kiến về vẻ đẹp của mỗi người.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu đặc điểm và câu chủ đề trong đoạn văn, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết lắng nghe ý kiến của bạn nêu để xem xét và thống nhất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động: ( 3’)**  - Cách tiến hành: | | |
| - Ôn lại bài cũ  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  Gọi 4 HS bất kì trình bày bức tranh giới thiệu bản thân đã làm ở nhà.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời….  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - Học sinh lắng nghe. | |
| **2. Hoạt động.** Viết **( 18’)** | | |
| **Đề bài: Viết đoạn văn nêu lí do thích một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.**  **1. Dựa vào các ý đã tìm trong hoạt động Viết ở bài 3, viết đoạn văn nêu lí do yêu thích một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.**  - GV gọi HS đọc đề bài, xác định yêu cầu trọng tâm.  - GV hướng dẫn HS suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến rồi trao đổi theo nhóm 4.  - GV gọi đại diện 3 nhóm nêu ý kiến.  - GV hướng dẫn HS đọc phần lưu ý.  *Lưu ý:*  *+ Chọn cách giới thiệu câu chuyện gây được chú ý và nêu nhận xét, đánh giá chung về câu chuyện.*  *+ Trình bày rõ các lí do yêu thích câu chuyện và đưa dẫn chúng minh họa.*  *+ Các câu trong đoạn văn được viết liên tục, không xuống dòng.*  **2. Đọc soát và chỉnh sửa bài viết.( 10’)**  - GV hướng dẫn HS cách đọc soát bài viết theo những tiêu chí trong SGK.  - GV nhận xét, tuyên dương. | | - 1 HS đọc đề bài.  - HS trao đổi theo nhóm 4.  - Đại diện nhóm nêu ý kiến. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét.  - 1 HS đọc phần lưu ý.  *Ngay từ ngày bé, em đã được nghe mẹ kể câu chuyện Bó đũa. Đó là câu chuyện em thích nhất về tình cảm gia đình. Câu chuyện kể về một người cha đã dạy cho các con của mình biết hòa thuận, yêu thương lẫn nhau. Bằng bài học về chiếc đũa, người cha đã khuyên các con rằng: “Chia lẻ ra thì yếu, hợp lại thì mạnh. Thế nên anh em trong nhà phải biết yêu thương, đùm bọc và đoàn kết với nhau.” Chính những lời dạy ấy đã mang đến cho các con những bài học quý giá trong cuộc sống, về sự đoàn kết sẽ làm được mọi thứ, bài học biết chia sẻ và yêu thương lẫn nhau. Nhân vật người cha đóng vai trò quan trọng trong cả câu chuyện. Nhờ có nhân vật này mà tình cảm của các con đã được gắn kết. Em còn đặc biệt thích chi tiết “người cha thong thả bẻ gãy từng chiếc một cách dễ dàng”. Chi tiết này thể hiện rõ sự thất bại, yếu đuối khi chỉ đơn lẻ một mình. Dù được nghe đã lâu nhưng câu chuyện vẫn luôn có dấu ấn khó phai trong lòng em.*  - HS soát bài viết theo các tiêu chí:  - Cách mở đoạn: *Ngay từ ngày bé, em đã được nghe mẹ kể câu chuyện Bó đũa. Đó là câu chuyện em thích nhất về tình cảm gia đình.*  - Cách trình bày lí do:  + Nội dung: *Câu chuyện kể về một người cha đã dạy cho các con của mình biết hòa thuận, yêu thương lẫn nhau. Bằng bài học về chiếc đũa, người cha đã khuyên các con rằng: “Chia lẻ ra thì yếu, hợp lại thì mạnh. Thế nên anh em trong nhà phải biết yêu thương, đùm bọc và đoàn kết với nhau.” Chính những lời dạy ấy đã mang đến cho các con những bài học quý giá trong cuộc sống, về sự đoàn kết sẽ làm được mọi thứ, bài học biết chia sẻ và yêu thương lẫn nhau.*  + Nhân vật: *Nhân vật người cha đóng vai trò quan trọng trong cả câu chuyện. Nhờ có nhân vật này mà tình cảm của các con đã được gắn kết.*  + Chi tiết: *Em còn đặc biệt thích chi tiết “người cha thong thả bẻ gãy từng chiếc một cách dễ dàng”. Chi tiết này thể hiện rõ sự thất bại, yếu đuối khi chỉ đơn lẻ một mình.*  - Cách kết thúc: *Dù được nghe đã lâu nhưng câu chuyện vẫn luôn có dấu ấn khó*  *phai trong lòng em.*  - Cách dùng từ, đặt câu: hợp lí, rõ ràng.  - Cách thức trình bày đoạn văn: Các câu trong đoạn văn được viết liên tục, không xuống dòng.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.( 5’)** | | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai là người sáng tạo”.  + GV chuẩn bị một câu chuyện ngắn. Yêu cầu các nhóm đọc và viết ý kiến của nhóm mình về câu chuyện đó (nêu ý kiến thích hoặc không thích, vì sao)  + Chia lớp nhiều nhóm (tùy số lượng HS)  + Mời các nhóm trình bày.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Các nhóm tham vận dụng.  - Cả lớp làm trọng tài: Nhận xét nhóm nào viết đúng, hay sẽ được chọn giải nhất, nhì , ba,…  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | | |

**-----------------------------------------**

**Thứ sáu ngày 15 tháng 9 năm 2023**

**CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG**

Bài 04: LUYỆN TẬP (Tiết 3)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Nhận biết được biểu thức chứa ba chữ.

- Vận dụng thực hành tính giá trị của biểu thức chứa ba chữ vào các bài tập cơ bản.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: 5ph**  \* Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  Cho biểu thức: 16 : (4 – a).  + Câu 1: Tính giá trị của biểu thức với a = 0  + Câu 2: Tính giá trị của biểu thức với a = 2  + Câu 3: Tính giá trị của biểu thức với a = 3  + Câu 4: Với giá trị nào của a để biểu thức có giá trị lớn nhất?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời:  - Với a = 0 thì 16 : (4 – a) = 16 : (4 – 0) = 16 : 4 = 4  - Với a = 2 thì 16 : (4 – a) = 16 : (4 – 2) = 16 : 2 = 8  - Với a = 3 thì 16 : (4 – a) = 16 : (4 – 3) = 16 : 1 = 16  - Với a = 3 thì 16 : (4 – a) có giá trị lớn nhất là 16.  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập: 25ph**  \* Cách tiến hành: | |
| Bài 1. ( 10ph ) (Làm việc cá nhân)  - GV mời 1 HS đọc quy tắc tính chu vi hình tam giác.  - GV: Chu vi P của hình tam giác có độ dài ba cạnh lần lượt là a, b, c (cùng đơn vị đo) được tính theo công thức: P = a + b + c.  - GV giới thiệu: a + b + c là biểu thức có chứa ba chữ.  Hãy tính chu vi hình hình tam giác biết:  a) a = 62 cm, b = 75 cm, c = 81 cm.  b) a = 40 dm, b = 61 dm, c = 72 dm.  - GV yêu cầu học sinh làm bài cá nhân vào vở.  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét.  - GV nhận xét tuyên dương.  Bài 2: ( 13 ph) Với m = 9, n = 6, p = 4 hai biểu thức nào có giá trị bằng nhau?(Làm việc nhóm 2)    - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét chung, tuyên dương. | - 1 HS đọc đề bài.  - Muốn tính chu vi hình tam giác ta tính tổng độ dài ba cạnh của hình tam giác đó (cùng đơn vị đo).  - 1 HS nhắc lại.  - HS làm bài vào vở.  Bài giải:  a) Chu vi hình tam giác là:  62 + 75 + 81 = 218 (cm)  b) Chu vi hình tam giác là:  40 + 61 + 72 = 173 (dm)  Đáp số: a) 218 cm; b) 173 dm.  - HS theo dõi, nhận xét.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - 1 HS đọc đề bài.  - HS làm bài theo nhóm 2.  A) Với m = 9, n = 6, p = 4 thì m – (n – p) = 9 – (6 – 4) = 9 – 2 = 7.  B) Với m = 9, n = 6, p = 4 thì m x (n – p) = 9 x (6 – 4) = 9 x 2 = 18.  C) Với m = 9, n = 6, p = 4 thì m x n – m x p = 9 x 6 – 9 x 4 = 54 – 45 = 9.  D) Với m = 9, n = 6, p = 4 thì m – n + p = 9 – 6 + 4 = 3 + 4 = 7.  Vậy: m – (n – p) = m – n + p  m x (n – p) = m x n – m x p  - Các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm. 7ph**  \* Cách tiến hành: | |
| GV tổ chức Trò chơi: Hái bưởi.  - GV hướng dẫn luật chơi (cặp đôi)  - Tổ chức cho HS thực hiện trò chơi.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS lắng nghe.  - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |

------------------------------------------------

**Bài 04: Tiết 4: ĐỌC MỞ RỘNG**

**Bài: ĐỌC CÂU CHUYỆN VỀ NHỮNG NGƯỜI CÓ NĂNG KHIẾU NỔI BẬT.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Tìm đọc câu chuyện về những người có năng khiếu nổi bật, viết được phiếu đọc sách theo mẫu.

- Biết trao đổi, chia sẻ với bạn về nội dung câu chuyện đã đọc; nhớ tên những câu chuyện của tác giả yêu thích và kể lại cho người thân.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết trân trọng vẻ đẹp và giá trị của những người xung quanh; đánh giá, nhận xét, bày tỏ ý kiến về vẻ đẹp cửa mỗi người.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nâng cao kĩ năng nói và nghe trong giao tiếp.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương, đất nước qua quan sát và tìm hiểu các hình ảnh trong bài.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết lắng nghe và nhận xét về bạn.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động( 5’)** | | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Kể tên một người mà em biết có tài năng đặc biệt  + Câu 2: Giới thiệu điều em ngưỡng mộ và học tập ở người đó  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV dẫn dắt vào bài mới - GV Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia trò chơi. HS nối tiếp nhau trả lời.  + HS trả lời.  + HS trả lời.  - HS lắng nghe. | |
| **2. Hoạt động khám phá**  - Cách tiến hành: | | |
| **1: Đọc câu chuyện về những người có năng khiếu nổi bật. ( 8’)**  - GV gợi ý :  + Thần đồng đất Việt  + Danh nhân thế giới - GV mời HS nêu yêu cầu bài tập 1.  - GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bài tập gới thiệu câu chuyện mình đã đọc tên truyện, tên tác giả đọc ở đậu...  - GV giao nhiệm vụ cho HS suy nghĩ, thực hiện theo hướng dẫn.  - Mời một số nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - Mời HS khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung. | | 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1.  + Em tìm đọc câu chuyện về người có năng khiếu nổi bật qua sách báo, internet,…  - HS lắng nghe, suy nghĩ.  - HS thảo luận theo nhóm 2.  - HS chia sẻ trước lớp  - HS nhận xét bạn mình.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm. |
| **2: Viết phiếu đọc sách theo mẫu.** ( 10’)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | PHIẾU ĐỌC SÁCH | | | | Tên câu chuyện | Tác giả | Ngày đọc | | Nội dung chính | | | | Lí do yêu thích câu chuyện | | | | Mức độ yêu thích | | |   - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 2.  - GV giao nhiệm vụ làm việc theo nhóm 2 thực hiện yêu cầu bài tập 2.  Viết lại câu chuyện vừa giới thiệu ở bài tập 1 của mình vào phiếu gợi ý.  - GV mời các nhóm trình bày kết quả.  - GV yêu cầu các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương  **3. Trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện mà em đã đọc. ( 7’)**  Hs trao đổi với các bạn về nội dung câu chuyện đã đọc (VD: Nội dung câu chuyện nói về điều gì? Nhân vật chính trong truyện là ai? Nhân vật đó có năng khiếu gì nổi bật? Em hãy nêu tinh cảm, cảm xúc của minh về nhân vật đó,... | | - HS đọc yêu cầu bài tập 2.  - Các nhóm làm việc theo yêu cầu.  HS trong lớp chia sẻ những nội dung đã ghi trong phiếu đọc sách với các bạn.  HS ghi chép các thông tin cơ bản vào phiếụ đọc sách hoặc có thể trao đổi về nhân vật, năng khiếu của nhân vật trong câu chuyện theo nhóm.  HS chia sẻ trong nhóm, ghi vào phiếu đọc sách các thông tin cơ bản trong phiếu và những lí do yêu thích câu chuyện.  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm nhận xét cho nhau.  - Lớp Theo dõi bổ sung.  HS làm việc nhóm 3 hoặc nhóm 4, giới thiệu về tác giả cuốn sách, những câu chuyện trong sách,...  - Lớp theo dõi nêu ý kiến bổ sung |
| **3. Vận dụng trải nghiệm ( 5’)**  - Cách tiến hành: | | |
| - GV trao đổi những về những hoạt động HS yêu thích trong bài  - GV cho HS thực hiện *Kề với người thân một câu chuyện của tác giả mà em yêu thích.*  - GV- HS dưới lớp quan sát nhận xét.  - Nhận xét, đánh giá tiết dạy.  - Dặn dò HS ôn bài 4 và đọc trước bài 5. | - HS trả lời theo ý thích của mình.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS nhận xét. | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | | |

**TUẦN 2:**

**CHỦ ĐỀ 1: ĐỊA PHƯƠNG EM (TỈNH, THÀNH PHỐ**

**TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG)**

**Bài 2: THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI ĐỊA PHƯƠNG EM (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được một số hoạt động kinh tế ở địa phương.

- Thể hiện được tình cảm với địa phương và sẵn sàng hành động bảo vệ môi trường xung quanh.

- Rèn luyện kĩ năng quan sát và sử dụng bản đồ, các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

**2. Năng lực.**

- Năng lực tự chủ, tự học: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của môn Lịch sử và địa lí.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Bồi dưỡng lòng nhân ái, cảm thông và sẵn sàng có hành động chia sẻ với người dân lao động.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động: 5phut**  - Cách tiến hành: | | |
| - GV cho cả lớp cùng nghe đoạn nhạc “Quảng Nam yêu thương” để khởi động bài học.  - Đoạn nhạc trên nhắc đến những địa danh nào ở địa phương em?  - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. | | - HS nghe đoạn nhạc và trả lời câu hỏi.  - Phú Ninh. Trà My, Duy Xuyên  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá***:*  **-** Cách tiến hành: | | |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu về vị hoạt động kinh tế và bảo vệ môi trường ở địa phương em (làm việc chung cả lớp) 10 phút**  ***\* Tìm hiểu về hoạt động kinh tế:***  - GV giới thiệu lược đồ tự nhiên kết hợp tài liệu giáo dục địa phương.    - GV nêu câu hỏi:  + Kể tên các hoạt động nông nghiệp của tỉnh Quảng Nam?  + Kể tên các hoạt động công nghiệp của tỉnh Quảng Nam ?  + Kể tên các hoạt động dịch vụ của tỉnh Quảng Nam ?    - GV nhận xét, tuyên dương.  **\* Tìm hiểu về bảo vệ môi trường.**  - GV mời HS sinh hoạt theo nhóm 2, thảo luận và thực hiện 2 nhiệm vụ:  + Cho biết hiện trạng môi trường: đất , không khí, nước ở tỉnh Quảng Nam.  + Hành động bảo vệ môi trường của bản thân và gia đình?  - GV nhận xét và tuyên dương*.* | | - HS quan sát bản đồ và đọc phần chú giải của bản đồ.  - HS làm việc chung cả lớp, quan sát bản đồ và trả lời câu hỏi  + Nông nghiệp:(Nông-Lâm-Ngư)  Trồng trọt: Lúa, mía, keo, rừng...  Chăn nuôi: Thuỷ hải sản(tôm, cua, cá...), gia súc(lợn,dê,...), gia cầm(gà, vịt...)  Lâm nghiệp: Có rừng keo, cao su.  Lâm nghiệp: là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Quảng Nam về trồng, chế biến và xuất khẩu cây gỗ keo nguyên liệu giấy.  + Công Nghiệp (Tiểu thủ công nghiệp)  Chế biến, khai thác và chế biến khoáng sản, công nghiệp gỗ giấy, cơ khí, xây dựng, dệt may,...  Sản phẩm chủ yếu là: Lương thực thực phẩm, điện, giấy, gỗ, hàng tiêu dùng, hàng may mặc....  + Dịch vụ ngày một phát triển:  Du lịch, ...  Thương mại: diễn ra sôi nổi:  Xuất: Thuỷ hải sản, lúa, gạo....  Nhập: Máy móc thiết bị....  Du Lịch: Biển đảo( Cù Lao Chàm...). Sinh Thái, Làng Cổ Lộc Yên...  - HS chú ý lắng nghe.  + Rừng ngập mặn ngày càng bị thu hẹp. Thuỷ hải sản tự nhiên giảm sút. Nước kênh rạch, ao hồ bị ô nhiễm. Không khí nhiều khói bụi. Đất bị nhiễm mặn, nhiễm phèn, thoái hoá.  + Trồng nhiều cây xanh làm bầu không khí trong lành. Vớt rác, xử lí nước ở kênh rạch, ao hồ. Trồng mới rừng. ........  - HS chú ý lắng nghe. |
| **3. Luyện tập**  **-** Cách tiến hành: | | |
| **Hoạt động 2: Hoàn thành bảng thông tin về hoạt động kinh tế ở Quảng Nam.(Sinh hoạt nhóm 4) 10 phút**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Mời cả lớp sinh hoạt nhóm 4, cùng nhau thảo luận và hoàn thành bảng thông tin.   |  |  | | --- | --- | | **A** | **B** | | Tên một số hoạt động kinh tế nổi bật ở tỉnh Quảng Nam | ? | | Tên một số địa điểm du lịch nổi tiếng của tỉnh Quảng Nam | ? |   - GV mời các nhóm trưng bài kết quả lên bản lớp.  - GV mời cả lớp cùng quan sát và đánh giá kết quả.  - GV nận xét tuyên dương | | - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Cả lớp sinh hoạt nhóm 4, cùng nhau thảo luận và hoàn thành bảng thông tin.   |  |  | | --- | --- | | **A** | **B** | | Tên một số hoạt động kinh tế nổi bật ở tỉnh Quảng Nam | Trồng lúa, Nuôi tôm, may mặc, Trồng rừng. | | Tên một số địa điểm du lịch nổi tiếng của tỉnh Quảng Nam | Cù Lao Chàm, Hội An, Mỹ Sơn… |   - Đại diện các nhóm trưng bài kết quả lên bản lớp.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |
| **4. Vận dụng trải nghiệm. 10 phút**  - Cách tiến hành: | | |
| - GV mời HS tham gia trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”  + Luật chơi: chơi theo tổ, mỗi tổ cử một số bạn tham gia chơi. Trong thời gian 1 phút mỗi tổ nêu các câu ca dao, tục ngữ, bài hát nói về Quảng Nam. Tổ nào nêu đúng và nhiều nhất là thắng cuộc.  + GV mời các tổ tham gia cùng tham gia chơi, GV làm trọng tài bấm giờ và xác định kết quả.  + Nhận xét kết quả các tổ, tuyên dương.  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - Học sinh lắng nghe luật trò chơi.  + Các tổ tham gia chơi.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | | |

---------------------------------------------------

**TUẦN 2:** **KHOA HỌC**

**CHỦ ĐỀ 1: CHẤT**

**BÀI 2: SỰ CHUYỂN THỂ CỦA NƯỚC VÀ VÒNG TUẦN HOÀN CỦA NƯỚC TRONG TỰ NHIÊN- Tiết 2**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Thực hành thí nghiệm đơn giản và vẽ sơ đồ về sự chuyển thể của nước.

- Vẽ và giải thích được sơ đồ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên và ghi chú được "vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên".Vẽ sơ đồ và sử dụng được các thuật ngữ: bay hơi, ngưng tụ, đông đặc, nóng chảy để mô tả sự chuyển thể của nước.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ thực hiện thí nghiệm, trải nghiệm để kiểm chứng tính thực tiễn của nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của bài học để năm chắc kiến thức.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thí nghiệm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để năm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point. các tranh ảnh liên quan đến chủ đề; với hình 7 GV có thể chuẩn bị trước trên giấy A3 để HS hoàn thiện. Bảng nhóm, bút dạ, bút chì hoặc phấn viết bảng.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:(3 phút)**  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  GV cho HS quan sát hiện tượng khi dùng khăn ẩm lau bảng thì thấy bảng ướt sau đó đã khô, từ đó GV đặt câu hỏi:  *Giải thích vì sao trong quá trình sản xuất muối ăn, người dân phơi nước biển dưới ánh nắng mặt trời lại thu được các hạt muối.*  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới ***Bài 2 - Sự chuyển thể của nước và vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên- Tiết 2*** | - HS tham gia trò chơi  - HS quan sát hiện tượng.  - HS trả lời: Nước biển chứa nhiều muối và nước, khi phơi nước biển sẽ làm cho nước bị bay hơi và người đân sẽ thu được các hạt muối.  HS lắng nghe. - HS theo dõi, ghi bài mới. |
| **2. Hoạt động:**  - Cách tiến hành: | |
| **Hoạt động 1: Sự chuyển thể của nước (8 phut)**  **Cách thức thực hiện:** | |
| **\* Thí nghiệm 1.**  GV chuẩn bị: chuẩn bị 3 cái cốc, một số viên đá, bình ủ nước nóng  Cách tiến hành:  GV làm thí nghiệm cho học sinh quan sát nội dung hình 4.  - GV chia lớp thành các nhóm 4 HS, yêu cầu tất cả HS đọc các thông tin trong SGK trước khi đi vào hoạt động cụ thể.  - GV hướng dẫn các nhóm HS quan sát hình 4, thảo luận và trả lời câu hỏi trong SGK vào bảng nhóm:  *+ Từ còn thiếu ở hình 4b là gì?*  *+ Hiện tượng nào tương ứng với các số (1), (2), (3), (4) mô tả sự chuyển thể của nước?*  - GV cho các nhóm nhận xét chéo nhau.  **\* Thí nghiệm 2.**  +GV chuẩn bị: hình vẽ , máy trình chiếu như hình 5 sách giáo khoa  +Cách tiến hành:- GV yêu cầu HS làm hoạt động trả lời câu hỏi SGK trang 11 để củng cố kiến thức:  *Quan sát hình 5 và cho biết sự chuyển thể của nước đã xảy ra trong mỗi hình.*    - GV tuyên dương , củng cố 3 thể của nướcvà chuyển sang hoạt động tiếp theo. | - HS đọc thông tin SGK trang 9, 10.  **\***  - HS quan sát Gv làm thí nghiệm và hình 4 SGK, thảo luận và viết câu trả lời vào bảng nhóm:  *+ Từ còn thiếu ở hình 4 là thể lỏng.*  *+ Hiện tượng:*  *(1): nóng chảy;           (2): bay hơi*  *(3) ngưng tụ;              (4): đông đặc*        - Các nhóm quan sát, nhận xét.  - HS lắng nghe GV chốt kiến thức, ghi chép vào vở.  - HS trả lời:  + *Hình 5a: Thể rắn sang thể lỏng*  *+ Hình 5b: Thể lỏng sang thể rắn*  *+ Hình 5c: Thể khí sang thể lỏng*  *+ Hình 5d: Thể lỏng sang thể khí.*  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV. |
| **Tổng kết thí nghiệm:**  **-** Qua các thí nghiệm đã làm, chúng ta thấy nước tồn tại những thể nào?  + GV nhận xét, tuyên dương. | - HS trả lời cá nhân theo hiếu biết cuả mình qua quan sát và đọc các thí nghiệm.  + Nước tồn tại ở thể lỏng, thể rắn và thể khí |
| **Hoạt động 2: Vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên (9 phút)**  **Cách thức thực hiện:** | |
| - GV tổ chức cho HS hoạt động thành 4 nhóm, thực hiện  - GV yêu cầu các nhóm quan sát hình 7, thảo luận và trả lời câu hỏi; vẽ sơ đồ theo các gợi ý:    + *Từ nào trong các từ: hơi nước, mây đen, mây trắng, giọt mưa phù hợp với các ô chữ A, B, C, D?*  *+ Từ nào trong các từ in đậm ở hình 6 phù hợp với các số (1), (2), (3), (4), (5) trên hình 7?*  - GV cho các nhóm trả lời câu hỏi, trình bày sơ đồ đã vẽ.  - GV yêu cầu các nhóm nhận xét chéo nhau.  - GV chữa bài của các nhóm, nhận xét và khen thưởng nhóm đạt giải cao.  - GV yêu cầu HS làm hoạt động trả lời câu hỏi SGK trang 12 để củng cố kiến thức: *Hãy nói về "vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên" sau khi hoàn thành sơ đồ (hình 7).*  - GV tuyên dương và chuyển sang hoạt động luyện tập. | - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS hoàn thiện sơ đồ:  - Các nhóm quan sát sơ đồ nhóm bạn, nhận xét và chữa bài.   A - hơi nước; B - mây trắng; C - mây đen; D - giọt mưa.  - (1) - bay hơi; (2) - ngưng tụ; (3) - tiếp tục ngưng tụ; (4) - mưa; (5) - trở về.  - HS trả lời: *Nhiệt từ Mặt trời làm nước ở trên bề mặt đất, sông, hồ, biển,... nóng lên và* ***bay hơi*** *vào trong không khí. Hơi nước trong không khí lạnh dần* ***ngưng tụ*** *thành những giọt nước nhỏ li ti và hợp thành những đám mây trắng. Những giọt nước tiếp tục ngưng tụ thành những giọt nước lớn hơn tạo thành những đám mây đen. Trong đám mây đen chứa các giọt nước lớn dần rơi xuống thành mưa và trở về với đất, sông, hồ, biển...* |
| **3. Luỵên tập thực hành (9 phút)**  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi trắc nghiệm:  **Câu 1:**  **:** Hiện tượng ngưng tụ mô tả sự chuyển thể của nước từ thể khí chuyển sang dạng thể nào?  A. Rắn                  B. Lỏng  C. A hoặc B          D. Không chuyển thể  **Câu 2:** Hiện tượng tự nhiên nào sau đây mô tả sự chuyển thể của nước từ thể lỏng sang thể khí?  A. Sự hình thành của mây  B. Băng tan  C. Sương muối  D. Đường ướt do mưa trở nên khô ráo  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia trò chơi.  - Đáp án:  *Câu 1B*  *Câu 2 D*   |  |  | | --- | --- | |  |  | |  |  | |
| 4**. Vận dụng trải nghiệm. (6 phút)**  - Cách tiến hành: | |
| - GV nêu câu hỏi để HS suy nghĩ, trả lời:  *Người ta thường sấy tóc sau khi gội đầu. Em hãy cho biết mục đích của việc làm này và giải thích.*  - GV gọi 1 HS đứng lên trả lời, HS còn lại lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  - GV chốt đáp án.  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học theo nội dung "*Em đã học*":  + Sự chuyển thể của nước.  + Vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên.  - Về Hoàn thành câu hỏi trong mục "*Em có thể*".  - Đọc và chuẩn bị trước bài sau - ***Bài 3: Sự ô nhiễm và bảo vệ nguồn nước. Một số cách làm sạch nước.***- Nhận xét giờ học, tuyên dương. | - HS trả lời: *Mục đích sấy tóc để tóc khô vì dưới tác động từ nhiệt của máy sấy thì nước ở thể lỏng chuyển sang thể khí và bay hơi.*  - HS chú ý lắng nghe, ghi nhớ.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  HS chú ý, thực hiện theo yêu cầu của GV. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**CHỦ ĐỀ: NHẬN DIỆN BẢN THÂN**

**SHL: NIỀM TỰ HÀO TRONG TIM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Học sinh chia sẻ được kết quả thực hiện những việc làm theo dự kiến để phát huy niềm tự hào của bản thân.

- Học sinh được khuyến khích chia sẻ niềm tự hào về những đặc điểm và việc làm tốt đẹp của mình, từ đó có động lực duy trì, phát huy các việc làm đó.

- Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Bản thân tự tin chia sẻ kết quả thực hiện những việc làm đáng tự hào của mình cùng gia đình trước tập thể.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết tự hào về những việc làm của mình.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chia sẻ với bạn niềm vui khi cùng gia đình những việc làm đáng tự hào của mình

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Tôn trọng, yêu quý bạn bè và niềm tự hào về bản thân của các bạn.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để xây dựng hình ảnh bản thân trước tập thể.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức với lớp, tôn trọng nền nếp, nội quy lớp học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Cách tiến hành: | |
| - GV cho học sinh nêu những việc làm đáng tự hào của em trước lớp.  *Gợi ý:* Những việc làm thành công, những việc làm thể hiện sự tiến bộ, ...để khởi động bài học.  + Mời học sinh trình bày.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS lắng nghe.  - HS lên chia sẻ  - HS lắng nghe. |
| **2. Sinh hoạt cuối tuần***:*  **-** Cách tiến hành: | |
| **\* Hoạt động 1: Đánh giá kết quả cuối tuần. (Làm việc theo tổ)**  **-** GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.  - Lớp trưởng lên điều hành nội dung sinh hoạt: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần:  + Sinh hoạt nền nếp.  + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức.  + Kết quả hoạt động các phong trào.  + Một số nội dung phát sinh trong tuần...  - Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo.  - Lớp trưởng tổng hợp kết quả và mời giáo viên chủ nhiệm nhận xét chung.  - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần)  **\* Hoạt động 2: Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ)**  **-** GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.  + Thực hiện nền nếp trong tuần.  + Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ.  + Thực hiện các hoạt động các phong trào.  - Lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận kế hoạch và mời GV nhận xét, góp ý.  - GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động. | - Lớp trưởng lên điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.  - Mời các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần.  - Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS nêu lại nội dung.  - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạt động tuần tới.  - HS thảo luận nhóm 4 hoặc tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần.  - Một số nhóm nhận xét, bổ sung.  - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay. |
| **3. Sinh hoạt chủ đề.**  **-** Cách tiến hành: | |
| **Hoạt động 3: Chia sẻ về kết quả thực hiện những việc làm đáng tự hào của em (Làm việc chung cả lớp)**  - GV YC HS chia sẻ theo cặp đôi về kết quả thực hiện những việc làm đáng tự hào của bản thân và cảm xúc của em khi thực hiện những việc làm đó.  - GV gọi HS nêu cảm nghĩ của em sau khi lắng nghe phần chia sẻ của các bạn  - GV nhận xét chung, tuyên dương HS  - GV kết luận: Mỗi em cần cố gắng hơn để bản thân ngày càng trở nên đáng yêu đáng tự hào.  \* GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: *Tôi tự hào*  - GV HD cho học sinh về cách chơi (SGK trang 9)    - GV tổ chức cho HS chơi thử  - GV mời học sinh tiến hành chơi  - GV nhận xét, tuyên dương HS  - GV cho HS thảo luận sau khi chơi:  + Em cảm thấy thế nào khi chơi trò chơi này?  + Trò chơi giúp em nhận ra điều gì?  - GV nhận xét, kết luận: Chúng ta cần tự hào về bản thân và tự tin chia sẻ niềm tự hào đó với mọi người. | - HS chia sẻ theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.  - HS nêu cảm nghĩ của mình.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm  - HS lắng nghe  - HS tham gia chơi trò chơi  - HS lắng nghe cách chơi  - HS chơi thử  - HS tham gia chơi trò chơi  - HS trả lời các câu hỏi  - HS lắng nghe |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**  - Cách tiến hành: | |
| - GV nêu yêu cầu và hướng dẫn học sinh về nhà cùng với người thân:  + Suy nghĩ và thảo luận với người thân về những việc cần làm để phát huy đặc điểm đáng tự hào của em  + Tiếp tục thực hiện những việc làm đáng tự hào của bản thân  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - Học sinh tiếp nhận thông tin và yêu cầu để về nhà ứng dụng với các thành viên trong gia đình.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |